**ĐỀ SỐ 10:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn văn bản:**

*(1) Cuộc sống quanh ta có biết bao nhiêu điều tốt đẹp đáng quý và cần trân trọng. Chỉ cần ta biết khéo léo nhận ra và chọn lọc, chúng ta không hề thiếu thốn những hạt giống tốt đẹp để gieo trồng. Mặt khác, trong cuộc sống cũng đầy rẫy những cỏ dại xấu xa. Chỉ cần ta sống buông trôi, thiếu hiểu biết, cuộc đời ta sẽ phải trả giá bằng những u ám, tối tăm kéo dài.*

*(2) Một tâm hồn tươi đẹp đầy hoa thơm trái quý, hay tiêu điều hoang vắng với cỏ dại lan tràn… Điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức và nỗ lực của chính chúng ta, không phụ thuộc vào bất kỳ ai khác.*

*(3) Nuôi dưỡng tâm hồn cũng quan trọng, cần thiết không kém gì việc nuôi dưỡng thể xác, nhưng chúng ta rất thường lãng quên không chú ý đến việc này. Chúng ta đôi khi bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại. Nếu ý thức được điều này và bắt đầu chăm sóc gieo trồng những hạt giống tốt lành, chắc chắn bạn sẽ có được một cuộc sống tươi vui và hạnh phúc hơn nhiều.*

*(Trích “Nuôi dưỡng tâm hồn” http://www.kynang.edu)*

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Chỉ ra và nêu ý nghĩa của những hình ảnh ẩn dụ được nói đến trong đoạn trích (1).

**Câu 2.** Theo em, yếu tố tạo ra sự khác biệt giữa“*hạt giống tốt*” và “*cỏ dại xấu xa*” được nói đến trong đoạn trích là gì?

**Câu 3.** Em hiểu như thế nào về đoạn (2): *Một tâm hồn tươi đẹp đầy hoa thơm trái quý, hay tiêu điều hoang vắng với cỏ dại lan tràn… Điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức và nỗ lực của chính chúng ta, không phụ thuộc vào bất kỳ ai khác.*

**Câu 4.** Việc “*nuôi dưỡng tâm hồn cũng quan trọng, cần thiết không kém gì việc nuôi dưỡng thể xác”* gợi cho em suy nghĩ gì?

**Câu 1. ( 8 điểm)**

*Một gia đình nọ vừa dọn đến ở trong một khu phố mới. Sáng hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi. “Tấm vải bẩn thật" - Cậu bé thốt lên. “Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”. Người mẹ nhìn cảnh ấy nhưng vẫn im lặng. Cậu bé vẫn cứ tiếp tục lời bình phẩm ấy mỗi lần bà hàng xóm phơi tấm vải.*

*Ít lâu sau, vào một buổi sáng, cậu bé ngạc nhiên vì thấy tấm vải của bà hàng xóm rất sạch, nên cậu nói với mẹ: “Mẹ nhìn kìa ! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi!” Người mẹ đáp: “Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”.*

**Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên đây.**

**Câu 2. (12 điểm)**

Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht cho rằng: “*Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trơi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc. Ðẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc nhưng đó chính là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người.”*Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến, hãy làm sáng tỏ.

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận  **2. Thân bài:**  **a. Nêu ngắn gọn nội dung, ý nghĩa của câu chuyện:**  **b. Vận dụng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định vấn đề:**  - Khung cửa sổ là ẩn dụ cho khung cửa tâm hồn. Cậu bé mắc phải tật xấu là đánh giá người khác qua cái nhìn chủ quan và đầy định kiến của mình. Bằng cái nhìn, ý nghĩ xấu về người khác thì cái gì dưới con mắt cậu cũng sẽ trở nên xấu mà thôi.  - Khi nhìn nhận bất cứ vấn đề gì, cần có cái nhìn toàn diện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Thậm chí phải đặt vào hoàn cảnh cụ thể để hiểu đúng vấn đề. Không nên chỉ nhìn bề ngoài để đánh giá bản chất. Cần có thời gian trải nghiệm để tự nhận ra bản chất của vấn đề.  - Cần dùng con mắt yêu thương để nhìn nhận vấn đề, có như vậy mới nhìn thấy được những điều tốt đẹp ẩn sâu bên trong dù bề ngoài có vẻ xù xì, xấu xí.  - Trước khi phê bình ai, ta nên kiểm tra trước phẩm chất cái nhìn của ta. Ta xuất phát từ động cơ gì, từ thiện chí ra sao đối với người khác. Đừng xét nét, hẹp hòi với người khác cũng như vội vàng đánh giá, kết luận, về họ mà chưa soi lại cách nhìn nhận, đánh giá cả mình.  - Học sinh lấy những ví dụ thực tế để làm sáng tỏ suy nghĩ, lí giải của mình: tờ giấy trắng và vết mực đen, cái nhìn của nhân vật ông giáo trong "Lão Hạc" của Nam Cao,...  **c. Bàn luận, mở rộng vấn đề, nêu ra bài học:**  - Phê phán những người có cái nhìn hẹp hòi với người khác, thiển cận, phiến diện theo kiểu "Thầy bói xem voi", hoặc "Ếch ngồi đáy giếng"...  - Trong cuộc đời cũng như thế: Mọi sự tuỳ thuộc vào sự sạch sẽ của khung cửa sổ tâm hồn mà qua đó chúng ta quan sát các sự việc! Con mắt là cửa sổ tâm hồn, ta hãy lau sạch cửa sổ tâm hồn của mình bằng sự thiện chí, công tâm, khách quan và cầu tiến. Ta cần trau dồi tri thức để có cái nhìn khoa học, chính xác, tiến bộ,...  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý nghĩa, tác dụng của vấn đề.  - Liên hệ bản thân... | **8 điểm** |
| **Câu 2** | **I. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề cần chứng minh  - Giới thiệu luận điểm  **II. Thân bài**  **1. Giải thích:**  - *Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trơi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc:*giá trị của thơ ca không chỉ là ở việc tạo ra những nét đẹp “kì bí”, không chỉ là sự trau chuốt ngôn từ hay tạo ra vẻ đẹp mới lạ về hình thức.  - *Ðẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc:*giá trị lớn nhất của tác phẩm thơ ca chính là giúp chúng ta cảm nhận được cái đẹp chân thực, mộc mạc, gần gũi từ chính những điều bình thường trong cuộc sống.  - *Là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người:* cái đẹp giản dị của thơ ca sẽ soi sáng tâm hồn con người, mang lại ý nghĩa thiết thực cho đời sống.  => Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht đã đưa ra một trong những tiêu chí quan trọng đối với tác phẩm thơ hay: chân thực, dung dị cả về nội dung lẫn hình thức. Đó chính là một trong những điều quan trọng làm nên giá trị, sức mạnh của thơ ca.  **2. Lí giải ý kiến:**  Ý kiến của Bertold Brecht đúng đắn và xác đáng vì:  - Xuất phát từ quy luật sáng tạo của văn chương nói chung và thơ ca nói riêng: Văn học bắt nguồn từ hiện thực đời sống, từ những vui buồn, đau khổ, hạnh phúc của cuộc đời, của số phận cá nhân con người. Vì thế, cái hay của một tác phẩm văn học, một bài thơ được tạo nên từ chính cái đẹp chân thực, mộc mạc, dung dị, gần gũi với đời thường, thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. *Thơ không như thứ rượu quỳnh tương, nấu lâu, cất kĩ, rót ra chén ngọc rồng mà như nước suối thiên nhiên chảy ra trong mát nơi khe núi.*(Phạm Thế Ngũ).  - Xuất phát từ đặc trưng của thơ trữ tình: Sự chân thực, giản dị của cảm xúc và ngôn ngữ là một đặc tính cơ bản của thơ: cảm xúc nảy nở từ lòng thi nhân một cách chân thành, thắm thiết; câu chữ không cần trau chuốt hay “thần bí hóa”; ngôn ngữ dễ hiểu, cô đúc, trong sáng.  - Xuất phát từ chức năng của văn học, trong đó có thơ ca: Thơ khởi nguyên là sự lên tiếng của trái tim, là sự rung động tâm hồn của nhà thơ nhưng trở thành tiếng lòng chung của muôn người, tiếng gọi đàn, thành *tiếng nói đồng ý, đồng chí, đồng tình* với người đọc, thơ là một ngọn lửa nhen lên trong lòng người, một ngọn lửa đốt cháy, sưởi ấm và soi sáng,*là ánh sáng mạnh mẽ*hướng con người đến vẻ đẹp của chân, thiện, mĩ.  **3. Chứng minh:**  **Bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến:**  **\* Về nội dung:**  - Sự trung thực giản dị đến từ cảm xúc của nhân vật trữ tình với bức tranh mùa thu nơi đồng bằng Bắc Bộ. Vẻ đẹp giản dị của bài thơ được tạo nên trước hết bởi bức tranh mùa thu mang vẻ đẹp bình dị, môc mạc mà vẫn rất tinh tế, không hề được tô vẽ cầu kì mang vẻ ước lệ thường thấy trong thơ văn trung đại.  - Vẻ đẹp trung thực mà bài thơ mang lại còn ở nỗi niềm của nhân vật trữ tình, đó là tình yêu dành cho quê hương làng cảnh. Đằng sau bức tranh mùa thu là nỗi niềm tâm sự của một nhà nho luôn canh cánh nỗi niềm với dân với nước, dù thân nhàn nhưng tâm không nhàn. Qua đó ta hiểu được vẻ đẹp trong nhân cách thanh cao và nỗi niềm yêu nước thầm kín nhưng sâu nặng của thi nhân.  - Bài thơ cho thấy những nỗi niềm mang tính thời đại của một thế hệ nhà nho sinh ra trong thời thế loạn lạc với những băn khoăn khi lựa chọn cách xử thế: nhập thế vào vòng tục lụy hay lánh đời để giữ trọn khí tiết thanh cao. Đây là ý nghĩa xã hội chân thực của bài thơ.  **\* Về nghệ thuật:**  - Bức tranh mùa thu được miêu tả bằng những hòa sắc tinh tế, những đường nét gợi cảm. Hình ảnh thơ giản dị, đậm đà chất dân tộc, thể hiện được nét đặc trưng trong khung cảnh làng quê Bắc Bộ vào thu.  - Nghệ thuật lấy động tả tĩnh, lấy điểm tả diện, tả cảnh ngụ tình được vận dụng thành công tạo nên một bức tranh thu đẹp về cảnh, nặng về tình.  Cảnh trong bài vẫn là trời nước, gió, trúc – những thi liệu quen thuộc nhưng hồn thơ thì đã vượt ra khỏi khuôn sáo thi tứ cổ điển.  - Ngôn ngữ thơ: giản dị, khai thác được vẻ đẹp ngôn ngữ tiếng Việt qua cách sử dụng từ láy, tính từ chỉ màu sắc, động từ. Cách gieo vần cho thấy khả năng sử dụng tiếng Việt đạt đến độ tài tình: Vần *“eo”* gieo hiểm hóc mà tự nhiên, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khéo kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.  \* Câu cá mùa thu là bài thơ soi sáng tâm hồn mỗi chúng ta: từ việc cảm nhận vẻ đẹp bức tranh mùa thu, nhân cách thanh cao của nhà thơ, bài thơ giúp chúng ta biết trân trọng hơn những vẻ đẹp bình dị gần gũi xung quanh, giúp tâm hồn mỗi người trở nên thanh cao hơn, trong sạch hơn giữa những bộn bề bon chen của cuộc sống.  **4. Bài học cho người thưởng thức và sáng tạo:**  - Người thưởng thức: khi cảm nhận tác phẩm thơ ca không nên chỉ quan tâm đến hình thức bên ngoài của tác phẩm mà cần nhìn thấy vẻ đẹp bên trong, vẻ đẹp chân thực, giản dị của tác phẩm,  - Ngưởi sáng tạo: cần hướng tới những vẻ đẹp đích thực của thơ ca, tạo nên vẻ đẹp chân thực cho tác phẩm, không nên chạy theo những sáng tạo cầu kì hình thức mà quên đi giá trị đích thực bên trong.  **III. Kết bài**  - Khái quát chung, nêu cảm xúc | **12 điểm** |

**ĐỀ SỐ 11:**

**I.PHẦN ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*Sự trưởng thành của con người luôn song hành cùng những vấp ngã và sai lầm. Vì thế, hãy chấp nhận điều đó như một lẽ tự nhiên. Khi trẻ học nói, học đi hay bất cứ điều gì, chúng đều phải nếm trải những va vấp. Chúng ta cũng vậy, có thể đằng sau những tư tưởng vừa lĩnh hội, hoặc sau sự chín chắn rèn giũa được là một thất bại, hay một bước lùi nào đó. Tuy nhiên, đừng đánh đồng những sai lầm ấy với việc ta không thể trưởng thành. Hãy hiểu rằng, như một lẽ tự nhiên, sau một bước tiến xa luôn tồn tại một bước lùi gần và hãy tin tưởng rằng mọi trải nghiệm đều đem lại cho ta những bài học quý giá nếu ta biết trân trọng nó.*

*Chính vì vậy, đừng giữ thái độ cầu toàn trong mọi sự. Dĩ nhiên, để đạt được điều mình mong muốn, ta phải không ngừng nỗ lực. Nhưng đừng yêu cầu cuộc đời phải viên mãn thì ta mới hài lòng và cũng đừng đòi hỏi mọi mối quan hệ phải hoàn hảo thì ta mới nâng niu trân trọng. Hoàn hảo là một điều không tưởng. Trên đời, chẳng có gì là hoàn thiện, hoàn mĩ cả. [...]*

*Khi kiếm tìm sự hoàn hảo, người ta dễ trở nên hà khắc, hay phán xét bản thân và mọi người. Bởi vậy, trên con đường trưởng thành của mình, mỗi người cần phải học cách chấp nhận người khác và chấp nhận bản thân như vốn có.*

(Theo *Quên hôm qua sống cho ngày mai* - Tian Dayton, Ph. D, biên dịch: Thu Trang - Minh Tươi, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2014, tr.68 - 69)

**Câu 1** *(0.5 điểm).* Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản?.

**Câu 2** *(1.5 điểm)*. Theo tác giả, vì sao “*đừng giữ thái độ cầu toàn trong mọi sự*” ?

**Câu 3** *( 2.0 điểm)***.** Em hiểu như thế nào về ý kiến: “*như một lẽ tự nhiên, sau một bước tiến xa luôn tồn tại một bước lùi gần*” ?

**Câu 4** *( 2.0 điểm).* Em có đồng tình với quan niệm: *“trên con đường trưởng thành của mình, mỗi người cần phải học cách chấp nhận người khác và chấp nhận bản thân như vốn có*” ? Vì sao?

**II. LÀM VĂN**

**Câu 1 (8.0 điểm).**

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó... *(Những tấm lòng cao cả, Ét- môn- đô-đơ A- mi- xi)*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Yêu cầu chung:** Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội. Bố cục bài viết rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi các loại  **Yêu cầu cụ thể đối với thân bài**  **1. Giải thích ý kiến:**  - Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ: ….;  + tình cảm thiêng liêng: là ...;  + chà đạp: …;  + xấu hổ và nhục nhã: ……  - Bằng cách diễn đạt trực tiếp, câu nói khẳng định, nhấn mạnh tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm cao đẹp nhất, thiêng liêng nhất của mỗi người; cần lên án những kẻ không biết trân trọng, nâng niu, giữ gìn tình cảm đó.  **2. Bàn luận:**  - Khẳng định câu nói của A-mi- xi là hoàn toàn đúng:(CHỨNG MINH)  - Phê phán những người con bất hiếu, ngược đãi cha mẹ.  **3. Bài học:**  - Cảm nhận sâu sắc tấm lòng cha mẹ và hiểu rõ trách nhiệm của con cái với cha mẹ.  - Thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng cha mẹ bằng những việc làm cụ thể. | **8** |

**Câu 2. ( 14 điểm)**

Bàn về văn chương, Hoài Thanh viết: *Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.* Bằng hiểu biết của em về bài thơ “*Bếp lửa”* của nhà thơ Bằng Việt, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh gắn với nội dung cơ bản của bài thơ Bếp lửa: Bài thơ thể hiện tình cảm bà cháu thiêng liêng, sâu nặng.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích nhận định:**

- Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có: tức là khẳng định các tác phẩm văn chương có khả năng khơi gợi những tình cảm, rung cảm đẹp đẽ cho mỗi người khi tiếp cận tác phẩm. Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có: tức là nhấn mạnh khả năng văn chương bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi người thêm sâu sắc, thêm đẹp đẽ, bền vững.

=>Nhận định đã khái quát một cách sâu sắc hai vấn đề: Khái quát quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương: Đều xuất phát từ tình cảm, cảm xúc của tác giả và bạn đọc; khái quát chức năng giáo dục và thẩm mĩ của văn chương đối với con người.

- Hoàn cảnh tác giả sáng tác bài thơ: Viết 1963 khi tg đang du học ở Liên xô (cũ), nơi lạnh giá xứ người xa quê hương, xa người bà đã khơi gợi nỗi nhớ thương về quê hương, về bếp lửa ấm nồng cùng với hình ảnh bà yêu dấu.

=> Bài thơ khơi dậy, bồi đắp thêm cho tình cảm gia đình (tình bà cháu thiêng liêng, sâu nặng), tình yêu thương con người, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi con người. Bài thơ là minh chứng cho nhận định của Hoài Thanh.

**b. Phân tích, chứng minh:**

*- Giới thiệu tác giả, tác phẩm*

- Nhà thơ Bằng Việt tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng. Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Phong cách sáng tác: Thơ Bằng Việt thường nghiêng về một lời tâm sự, một sự trao đổi suy nghĩ, gây được một cảm giác gần gũi, thân thiết đối với người đọc. Thơ ông thường sâu lắng, trầm tư thích hợp với người đọc thơ trong sự trầm tĩnh, vắng lặng.

- Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài.

- Bài thơ được đưa vào tập “Hương cây - Bếp lửa” (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt in chung với Lưu Quang Vũ.

**c. Chứng minh:**

**Luận điểm 1. Hồi tưởng của cháu bắt đầu từ hình ảnh bếp lửa và hình ảnh bà.**

+ Nhân vật trữ tình hồi tưởng lại những kỷ niệm: Kỷ niệm những năm đói khổ, kỷ niệm tám năm sống bên bà; kỉ niệm những năm giặc dã, chiến tranh. Trong dòng hổi tưởng đó luôn có hình ảnh bà tần tảo, hi sinh, yêu thương cháu, có tình bà ấm áp. (Phân tích- chứng minh)

+ Hồi tưởng về bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa, bếp lửa là biểu tượng cho tình bà ấm áp, biểu tượng cho ý chí, nghị lực, niềm tin của bà. (Phân tích - chứng minh)

**Luận điểm 2. Cháu khôn lớn, trưởng thành thấm thía cuộc đời bà vất vả, gian khổ, tần tảo, chịu thương chịu khó; công lao của bà mênh mông, sâu nặng**.

+ Cháu tâm nguyện: luôn trân trọng, nhớ bà, biết ơn bà.

+ Trong suy ngẫm, tâm nguyện của cháu cũng vẫn hiện lên hình ảnh bếp lửa bình dị mà thiêng liêng: Bếp lửa là biểu tượng cho tình bà cháu, biểu tượng của gia đình, quê hương.

+ Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương đất nước- qua những suy ngẫm của cháu về bà, về đất nước, dân tộc, nhân dân mình.

+ Tình cảm bà cháu là cội nguồn của tình cảm gia đình, tình cảm với quê hương, đất nước: Mỗi kỉ niệm của cháu với bà gắn với những thời kì lịch sử khó quên của đất nước, dân tộc; gắn với tình làng nghĩa xóm.

+ Người cháu nhớ về bà, biết ơn bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu nhân dân, đất nước, dân tộc mình. Bếp lửa và bà đã trở thành biểu tượng của quê hương, xứ sở. (phân tích- chứng minh)

+ Khẳng định sự tác động của bài thơ đến tình cảm mỗi người đọc, sự đồng cảm của người đọc với bài thơ.

+ Với hình tượng bếp lửa và hình tượng người bà, bài thơ bếp lửa đã khơi dậy trong lòng mỗi người đọc tình cảm bà cháu đẹp đẽ, tình cảm gia đình thiêng liêng. Tình cảm của nhân vật trữ tình, của tác giả đã làm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững thêm tình cảm gia đình trong mỗi người đọc. Điều đó chứng minh nhận định của Hoài Thanh là đúng đắn.

+ Bài thơ nhận được sự đồng cảm của bạn đọc, bạn đọc tìm được sự đồng điệu tâm hồn với tác giả. Bài thơ là một minh chứng cho quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương, minh chứng cho vai trò quan trọng và chức năng của văn chương, đặc biệt là chức năng giáo dục và thẩm mỹ.

**c. Đánh giá chung:**

- Bài thơ Bếp lửa với hình tượng thơ độc đáo, ngôn từ biểu cảm, bình dị mà sâu sắc, sử dụng hổi tưởng và hiện tại trong mạch cảm xúc, sử dụng nhiểu biện pháp nghệ thuật đặc sắc đã thể hiện xúc động tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, tình cảm yêu gia đình, quê hương, đất nước trong sáng, đẹp đẽ.

- Bài thơ đã làm sáng tỏ những quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương; minh chứng cho những tác dụng to lớn của văn chương: Văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến chân, thiện, mỹ.

- Liên hệ đến các tác phẩm ngợi ca tình cảm gia đình: Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh), Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (Nguyễn Khoa Điềm), Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)…

**3. Kết bài:**

- Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ tác động đến mỗi người: là lời nhắc nhở mỗi con người luôn biết trân trọng, giữ gìn những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ.

- Liên hệ nhận thức và hành động của bản thân.

**ĐỀ SỐ 12:**

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm):**

**Đọc đoạn trích:**

*Đêm trở gió, 20/1/2022*

*Gửi danh cầm Đặng Thái Sơn với đôi bàn tay kỳ diệu!*

*Ông có bất ngờ khi nhận lá thư được tạo nên từ những tiếng xào xạc? Là cháu đây, ngọn gió lành, gửi đến ông những lời khẩn thiết.*

*Cháu đang ở đây, ngay bên cửa sổ! Còn ông ngồi trầm tư bên phím đàn. Ông vừa trở về từ lễ trao giải VinFuture. Ở sân khấu quốc tế với những tên tuổi lừng danh ấy, âm nhạc của ông tạo nên mảnh ghép hoàn hảo cho hy vọng tương lai của nhân loại.*

*Ông vẫn nói: "Bạn cứ nghe tôi chơi nhạc, bạn sẽ hiểu tôi muốn nói gì!". Cháu cảm biết được tấm lòng của ông với cuộc đời. Nên, cháu hy vọng, ông và nghệ thuật của ông - mang sức mạnh tạo nên thay đổi, cứu vãn thảm hoạ thiên nhiên và gió nhỏ đã tận mắt chứng kiến.*

*Từ khi được sinh ra từ cơn cựa mình của Mẹ, cháu đã du hành khắp thế gian. Những điều ấm áp cho cháu hạnh phúc và cũng có nhiều điều khiến cháu trăn trở.*

*Cháu băn khoăn: Một con mèo chết gục trước cửa ngôi nhà, mươi phút sau, nó được hất gọn sang cửa nhà đối diện. Có một ranh giới con người giữ sạch sẽ riêng mình.*

*Cháu lo lắng: Cũng con phố ấy, ngày hè oi ả, trong khi ai đó nằm điều hoà mát lạnh, thì dưới gầm cầu, góc chợ tạm... còn bao người thở nghẹn trong lồng ngực. Có một ranh giới con người giữ tiện nghi riêng mình.*

*Cháu hoang mang: Dòng sông phía thượng nguồn đắp đập làm thuỷ điện, tận dụng triệt để sức nước, thì dưới hạ lưu, tập quán của một dân tộc bị tước đi, hoặc cảnh quan của một vùng bị biến đổi. Có một ranh giới con người giữ lợi ích cho riêng mình.*

*Nhưng hơn ai hết, ông - một nghệ sĩ* *chọn cho mình cuộc sống không biên giới, hiểu rằng nhìn từ một phía nào đó, mọi ranh giới đều không tồn tại phải không?* (<https://vnexpress.net/thu-gui-dang-thai-son-doat-giai-nhat-quoc-gia-viet-thu-upu-4461247-p4.html>)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Xác định phong cách phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

**Câu 2.** Trong văn bản trên, nhân vật “cháu” trăn trở về những điều gì?

**Câu 3.** Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ tương phản được sử dụng trong câu văn: “*Cũng con phố ấy, ngày hè oi ả, trong khi ai đó nằm điều hoà mát lạnh, thì dưới gầm cầu, góc chợ tạm... còn bao người thở nghẹn trong lồng ngực.”*

**Câu 4.** Trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói: “*âm nhạc của ông tạo nên mảnh ghép hoàn hảo cho hy vọng tương lai của nhân loại.”*

**II. LÀM VĂN (16,0 điểm):**

**Câu 1. ( 6 điểm)**

Trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: *“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.***Câu 2. ( 14 điểm)**

Có ý kiến cho rằng*: “Không có tiếng nói riêng, tác phẩm văn học sẽ không có chỗ đứng trong lòng bạn đọc”.* Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua tác phẩm *“Lặng lẽ Sa Pa”* của nhà văn Nguyễn Thành Long

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Giới thiệu câu nói  **2. Thân bài a. Giải thích câu nói:** - Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được. - Có người đã ví: *“Ước mơ giống như ngọn hải đăng, chúng ta là những con thuyền giữa biển khơi bao la, ngọn hải đăng thắp sáng giúp cho con thuyền của chúng ta đi được tới bờ mà không bị mất phương hướng”.* Sự ví von quả thật chí lí, giúp người ta hiểu rõ, hiểu đúng hơn về ước mơ của mình. - Ước mơ đủ lớn: là ước mơ khởi đầu từ điều nhỏ bé, trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt những khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực. - Câu nói: đề cập đến ước mơ của mỗi con người trong cuộc sống. Bằng ý chí, nghị lực và niềm tin, ước mơ của mỗi người sẽ “đủ lớn”, trở thành hiện thực. **b.  Phân tích, chứng minh :** Có phải *“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”?* **+ Ước mơ của mỗi người trong cuộc đời cũng thật phong phú.** - Có những ước mơ nhỏ bé, bình dị, có những ước mơ lớn lao, cao cả… - Có ước mơ vụt đến rồi vụt đi; ước mơ luôn đồng hành cùng đời người; ước mơ là vô tận. - Thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. **+ Ước mơ cũng như một cái cây-  phải được ươm mầm rồi trưởng thành.** - Một cây sồi cổ thụ cũng phải bắt đầu từ một hạt giống được gieo và nảy mầm rồi dần lớn lên. Như vậy, ước mơ đủ lớn nghĩa là ước mơ bắt đầu từ những điều nhỏ bé và được nuôi dưỡng dần lên. -  Nhưng để ước mơ lớn lên, trưởng thành thì không dễ dàng mà có được. Nó phải trải qua bao bước thăng trầm, thậm chí phải nếm mùi cay đắng, thất bại. Nếu con người vượt qua được những thử thách, trở ngại, kiên trung với ước mơ, khát vọng, lí tưởng của mình thì sẽ đạt được điều mình mong muốn. **c. Dẫn chứng:** + Ước mơ của chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho dân mình. Trải qua bao gian khổ khó khăn và hi sinh, Người đã theo đuổi đến cùng điều mình mơ ước ước mơ đó đã trở thành hiện thực. + Nhiều nhà tư tưởng lớn, những nhà khoa học cho đến những người bình dân, thậm chí những thân thể khuyết tật… vẫn vươn tới, đạp bằng mọi khó khăn, cản trở trong cuộc sống để đạt được mơ ước của mình. **+ Nhưng cũng có những ước mơ thật nhỏ bé, bình dị thôi mà cũng không dễ  đạt được:** - Những em bé bị mù, những em bé tật nguyền do chất độc da cam, những em bé mắc bệnh hiểm nghèo… vẫn hằng ấp ủ những mơ ước, hi vọng. -  Nhưng cái chính là họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hoặc mất đi. **+ Ước mơ không đến với những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, nghị lực,** lười biếng, ăn bám… **c. Đánh giá – mở rộng:** - Lời bài hát “*Ước mơ*” cũng là lời nhắc nhở chúng ta: *“Mỗi người một ước mơ, nhỏ bé mà lớn lao trong cuộc đời, ước mơ có thể thành, có thể không…”.*  Thật đúng vậy, mỗi một con người tồn tại trên cõi đời này phải có riêng cho mình ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống của đời mình. - Phê phán: Ước mơ có thể thành, có thể không như ta phải biết giữ lòng tin với những ước mơ của mình . Nếu sợ ước mơ bị thất bại mà không dám ước mơ, hay không đủ ý chí, nghị lực mà nuôi dưỡng ước mơ “đủ lớn” thì thật đáng tiếc, đáng phê phán. Cuộc đời sẽ chẳng đạt được điều gì mình mong muốn và sống như thế thật tẻ nhạt, vô nghĩa. **d. Bài học nhận thúc hành động** *\* Nhận thức*: Nếu cuộc đời là chiếc thuyền thì ước mơ là ngọn hải đăng. Thuyền dẫu gặp nhiều phong ba, ngọn hải đăng sẽ là niềm tin, ánh sáng chỉ phương hướng cho thuyền. Mất ngọn hải đăng, con thuyền biết đi đâu về đâu? Vì thế, hai chữ “*ước mơ*” thật đẹp, thật lớn lao. \* *Hành động*: - Mỗi người chúng ta hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào! - Phải không ngừng học tập, rèn ý chí, trau dồi kĩ năng sống để biết ước mơ và biến ước mơ thành hiện thực.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề  - Rút ra bài học cho bản thân | 6  1  2  2  **1** |
| **Câu 2.** | **Yêu cầu về kỹ năng:**  - Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về lí luận văn học, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương của mình để làm bài.  - Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng.  **Yêu cầu về kiến thức**  - Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những quan điểm trái chiều song cần có căn cứ thuyết phục. Sau đây là một số gợi ý:  **1. Mở bài**  - Giới thiệu chung  - Trích dẫn ý kiến và định hướng cho bài viết: Nhận định trên đã nói lên chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương (tác dụng của nghệ thuật, văn chương.)  **2. Thân bài**  **a. Giải thích nhận định**  - Riêng: Nét mới, cái độc đáo.  - Vì sao văn chương phải có cái riêng: Văn chương là lĩnh vực của cái độc đáo. Mỗi tác phẩm văn chương phải có nét riêng, nét mới ở ý tưởng nghệ thuật cũng như ở hình thức biểu hiện. Mỗi nhà văn phải có một thế giới nghệ thuật riêng, một "chân trời" riêng, một "biên cương" riêng. Nhà văn có phong cách thì mới được người đọc chấp nhận và yêu mến. Phong cách càng độc đáo thì sức hấp dẫn càng lớn.  - Vì sao văn chương không có gì riêng sẽ không là gì cả: Mới mẻ, độc đáo là điều kiện tồn tại của tác phẩm văn chương. Tác phẩm chương không có gì mới sẽ không được người đọc tiếp nhận. Nhà văn có phong cách nghệ thuật mờ nhạt sẽ bị người đọc quên lãng, lặp lại mình hoặc lặp lại người khác đều là điều tối kị trong hoạt động sáng tác của nhà văn. Cái bình thường là cõi chết của nghệ thuật (M.Gorki).  => Nhận định nhấn mạnh tầm quan trọng của phong cách nghệ thuật của người nghệ sĩ ngôn từ trong việc đem đến cái độc đáo cho tác phẩm.  **b. Phân tích bài thơ để làm rõ vấn đề nghị luận**  **\* Khái quát tác giả, tác phẩm**  **-** Truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* được nhà văn Nguyễn Thành Long viết năm 1970 sau chuyến đi Lào Cai của tác giả là một tác phẩm tiêu biểu cho phong cách sáng tác của ông, in trong tập truyện "Giữa trong xanh". Truyện "Lặng lẽ Sa Pa" kể lại cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m giữa núi rừng Lào Cai, qua đó, tác giả ca ngợi những con người tuy sống lặng lẽ giữa trong xanh nhưng rất nhân hậu, sống sôi nổi, giàu chí hướng và hết lòng phục vụ đất nước.  **\* Nét riêng trong lựa chọn đề tài, xác định chủ đề:** Người lao động mới lao động trẻ trong công cuộc tái thiết lập đất nước sau khi hoà bình đi lên xây dựng XHCN ở miền Bắc.  **\* Nét mới trong việc đặt nhan đề cho tác phẩm**  - Nhan đề tác phẩm thường thể hiện đề tài, nội dung hoặc tư tưởng chủ đề của tác phẩm, với nhan đề “Lặng lẽ Sa Pa”, truyện ngắn của Nguyễn Thành Long đã thể hiện rõ tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Bề ngoài Sa Pa có vẻ lặng lẽ, êm đềm, thơ mộng. Đó là xứ sở của sương mù, của những dinh thự cũ xưa mà người ta đến để nghỉ ngơi. Ở đó có những cảnh đẹp nên thơ mê hồn; có những con bò đeo chuông ở cổ, có những rừng thông đẹp lung linh kỳ ảo dưới ánh nắng mặt trời. Đằng sau vẻ đẹp lặng lẽ nên thơ của Sa Pa, đã và đang có những con người đang thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Đó là anh cán bộ làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu một mình trên đỉnh Yên Sơn ở độ cao 2600 mét, đang thầm lặng làm việc để góp phần dự báo thời tiết. Đó là ông kĩ sư vườn rau, anh cán bộ chuyên nghiên cứu bản đồ sét,… tất cả đang âm thầm lặng lẽ làm việc và cống hiến.  - Như vậy nhan đề của tác phẩm vừa thể hiện được vẻ đẹp kì ảo của thiên nhiên Sa Pa vừa thể hiện được sự cống hiến, âm thầm lặng lẽ nhưng lớn lao, cao đẹp của những con người nơi đây. Với việc đặt nhan đề như vậy, phải chăng tác giả muốn lấy địa danh làm nền để làm nổi bật vẻ đẹp của con người?  **\* Nét mới trong việc tạo dựng tình huống truyện**  **- Cốt truyện rất đơn giản**.  + Toàn truyện chỉ có một tình huống và cũng chẳng có gì là gay cấn, cao trào, thắt nút, mở nút: Một chuyến xe khách đi Sa Pa như bao nhiêu chuyến xe hàng ngày, những người khách ngẫu nhiên ngồi với nhau. Chỉ có điều khác là hôm nay trong đó có một ông hoạ sĩ sắp về hưu, một cô kĩ sư nông nghiệp vừa mới ra trường, đang đi nhận công tác. Người lái xe mời hai người đi thăm một "người cô độc nhất thế gian".  + Diễn biến chính của truyện là cuộc gặp gỡ giữa những người khách ghé thăm và anh thanh niên làm ở trạm khí tượng, một mình giữa núi cao. Qua cuộc gặp gỡ, chứng kiến nơi ở và làm việc, được nghe anh thạnh niên tâm sự, trong con mắt của khách hiện lên một con người có tâm hồn, [lối sống](https://vietvanhoctro.com/tag/loi-song), quan niệm về cuộc đời, về lao động thật đẹp đẽ, rất đáng yêu, đáng trân trọng.  => Với cốt truyện đơn giản ấy, tác giả đã làm nổi bật những công việc thầm lặng của bao người lao động bình thường đang đóng góp cho [cuộc sống](https://vietvanhoctro.com/tag/cuoc-song). Tạo ra hai tình huống gặp gỡ, gặp gỡ trên xe và gặp gỡ trên núi, tác giả có thể [giới thiệu](https://vietvanhoctro.com/tag/gioi-thieu) một cách thuận lợi, để cho nhân vật dần dần hiện ra những nét tính cách, những phẩm chất tâm hồn của nhân vật chính thông qua con mắt, sự đánh giá của các nhân vật phụ.  **\* Nét mới trong cách kể chuyện hết sức tự nhiên**  - Diễn biến của câu chuyện được kể thuận chiều theo [thời gian](https://vietvanhoctro.com/tag/thoi-gian), cái gì có trước, kể trựớc, cái gì diễn ra sau kể sau.  - Các chi tiết đơn giản, bình thường như cuộc sống: xe dừng, theo gợi ý của bác lái xe, mọi người rủ nhau đi thăm một ngựời, rồi cùng đi, đến nhà ngưò’i ấy, nói chuyện, nghe chuyện, nhận quà, rồi lại về xe và đi tiếp.  - Tuy không dùng ngôi thứ nhất, nhưng phần lớn người kể chuyện nhập vai vào nhân vật ông hoạ sĩ, và chủ yếu qua cách nhìn, sự [suy nghĩ](https://vietvanhoctro.com/tag/suy-nghi) của ông mà quan sát và miêu tả từ phong cảnh thiên nhiên đến anh thanh niên - nhân vật chính của truyện.  **\* Nét mới về phương thức thể hiện: có sự kết hợp tự sự với trữ tình và bình luận**  - Tất nhiên phương thức biểu hiện chính của truyện là tự sự: có cốt truyện, có nhân vật, có tình tiết, có người kể chuyện, thể hiện theo nguyên tắc khách quan.  - Tuy nhiên sức hấp dẫn của Lặng lẽ Sa Pa lại ở chất trữ tình:  + Những đoạn [tả cảnh](https://vietvanhoctro.com/tag/ta-canh) thiên nhiên Sa Pa thật thơ mộng nên thơ như những bức tranh đẹp: Đây là bức tranh ở đầu tác phẩm: "Nắng bây giờ bắt đầu lên tới đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn trong lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương". Và đây là cảnh cuối: "…nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình càng rực rỡ theo''.  + Chất trữ tình chủ yếu toát ra từ cuộc sống, tâm hồn, ý nghĩ, cảm xúc củanhững con người trong truyện. Một cô gái rất hồn nhiên trẻ trung, dám bỏ phố phường phồn hoa để đến một nơi núi rừng sâu thẳm, một ông hoạ sĩ sắp về hưu nhưng cháy bỏng khát vọng sáng tạo nghệ thuật, tâm hồn vẫn còn rất nhạy cảm, yêu đời. Một anh thanh niên mới nhìn tưởng "cổ độc nhất thế giarí' nhưng thế giới tâm hồn thật phong phú, sôi động, luôn nhận ra mối dây liên hệ, sự gắn bó của mình với mọi người, mọi miền của Tổ quốc. Anh tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời, tìm được niềm vui không bao giờ cạn trong những công việc mình làm hàng ngày.  + Ta bắt gặp trong truyện những chi tiết giàu chất thi ca: Cô gái bất giác đỏ mặt lên/bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong… ngay dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang ngắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với ngựời quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên cô đỡ lấy/ vị hoạ sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi cũng đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài/…  - Truyện ngắn có rất nhiều câu triết lí, sâu sắc. Đâylà cách sống của ông hoạ sĩ:"Buồn thì ai mà chả sợ? Nó như con gián gặm nhấm người ta? Tốt hơn là tránh nó để làm việc đời". Còn đây là những lí luận về sự không cô đơn, sự "thèm người" của anh thanh niên: Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao lại gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Còn người thì ai chả "thèm" Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Với những câu triết lí của phương thức nghị luận, truyện ngắn gợi lên ở người đọc nhiều suy tưởng  **\* Nét mới trong cách đặt tên gọi tên cho nhân vật:**  - Các nhân vật không có tên riêng, gọi tên theo nghề nghiệp, dụng ý tác giả muốn nói đến nhiều người với nhiều ngành nghề khác nhau ở Sapa ra sức lao động cống hiến sức mình xây dựng quê hương đất nước. Tác giả còn muốn nói đến thái độ cống hiến vô tư của con người trong hoàn cảnh đất nước còn khó khăn. Họ không hề đòi hỏi quyền lợi cho bản thân mà tất cả vì ý thức trách nhiệm đối với tổ quốc.  **\* Nét mới trong sử dụng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ quen thuộc được sáng tạo của nhà văn**.  - Lặng lẽ Sapa là với ngôn ngữ nhẹ nhàng, gợi cảm, cuốn hút, giàu hình ảnh giàu chất thơ.  - Một nét sáng tạo trong ngôn ngữ là có những kết hợp từ mới lạ với các biện pháp tu từ: nhân hoá, sử dụng từ láy, liệt kê, nghệ thuật đối...  **c. Đánh giá chung**  - Truyện ngắn hội tụ nhiều nét tiêu biểu trong phong cách nghệ thuật chuyên truyện ngắn của Thành Long. Chính điều đó tạo nên nét độc đáo cá tính riêng làm nên phong cách của nhà văn.  - “Lặng lẽ Sa Pa” là một đóng góp đặc biệt của Nguyễn Thành Long cho truyện ngắn hiện đại Việt Nam viết về thế hệ trẻ Việt Nam trong công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc với lòng nhiệt huyết với nghề, sống có trách nhiệm với tổ quốc, cống hiến hết mình một cách thầm lặng.  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý kiến, đánh giá sự thành công của tác phẩm.- Suy nghĩ, liên hệ rút ra bài học. "Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ." | **14 điểm** |

**ĐỀ SỐ 19:**

**I. ĐỌC HIỂU (4,0điểm):**

**Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:**

*Nếu thường xuyên đọc blog của tôi, bạn nhận ra ngay tôi rất thích khách sạn Jan Schreder ở New York. Cách đây gần 10 năm, lần đầu tiên tôi ở đó khi giới thiệu cuốn sách “The Monk Who Sold His Ferrari” (Tìm về sức mạnh vô biên). Trong cuốn sách “The Greatnness Guide” (Điều vĩ đại giữa đời thường) tôi cũng nhắc đến khách sạn của Schrager ở London, một trong những khách sạn được ưa thích nhất trên thế giới. Tại sao tôi thích khách sạn của Schrager? Bởi vì khi lần đầu hoạt động, chúng không giống với mọi khách sạn khác, (giờ đây đa số khách sạn đều có ý tưởng bắt chước Schrager). Chúng rất thú vị đến nỗi bạn sẽ nhớ mãi. Chúng vừa là một chỗ nghỉ đêm vừa là một nơi trưng bày nghệ thuật hiện đại. Chúng dẫn dắt hơn là chạy theo - giống như bao ngành kinh doanh và con người từng thành công khác.*

*Tôi đang đọc cuốn sách rất hay của Harry Beckwith, “What Clients Love” (Điều  khách hàng ưa thích), khi ngồi uống cà phê sáng nay. Tôi hồi tưởng về công việc, về cuộc đời. Trong sách này Breckwith trích dẫn câu nói của Schrager: “Cứ để hai mươi bốn người khinh thường (khách sạn của tôi) vì tất cả những gì tôi đang chăm chút, chỉ cần một trong hai mươi lăm người yêu mến chúng là được”. Ý tưởng lớn cho chúng ta: những công ty nào cố gắng làm hài lòng tất cả mọi thứ cho mọi người cuối cùng sẽ chẳng là gì với bất cứ ai. Bạn cần đại diện cho một điều nào đó. Bạn cần mạnh bạo. Đam mê. Nhiệt tình. Để đạt tới đỉnh cao. Hoặc đừng cho gì cả.*

(*Hãy khác biệt*, trích *Đời ngắn đừng ngủ dài*, Robin Sarma, NXB Trẻ 2014, tr.143)

**Câu 1:** Trong đoạn trích, nhân vật “tôi” thích khách sạn của Schragervì điều gì?

**Câu 2:** Việc trích dẫn ý kiến của Schragertrong đoạn trích có tác dụng như thế nào?

**Câu 3:** Vì sao tác giả cho rằng “*những công ty nào cố gắng làm hài lòng tất cả mọi thứ cho mọi người cuối cùng sẽ chẳng là gì với bất cứ ai”?*

**Câu 4:** Bài học ý nghĩa nhất mà em rút ra sau khi đọc đoạn trích trên? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (16,0 điểm) :**

**Câu 1. (8 điểm)**

Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ về cách ứng xử và trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với quá khứ lịch sử đấu tranh dựng và giữ nước của dân tộc ?

**Câu 2: (12 điểm)**

*“Tác phẩm văn học lớn hấp dẫn người ta bởi cách nhìn nhận mới, tình cảm mới về những điều, những việc mà ai cũng biết cả rồi”. (Nguyễn Đình Thi - “Nhà văn nói về tác phẩm”, NXB văn học, 1998).* Anh / Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua việc cảm nhận bài thơ “Lá đỏ” của Nguyễn Đình Thi em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề*  *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cách ứng xử và trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với quá khứ lịch sử đấu tranh dựng và giữ nước của dân tộc.* | 8 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.  Dưới đây là một số gợi ý cần hướng tới:  - Biết ơn, trân trọng quá khứ.  - Có những việc làm thể hiện trách nhiệm đối với bản thân gia đình và cộng  đồng.  - Phê phán, lên án những biểu hiện tiêu cực, hành vi phản cảm.  - Liên hệ:  *Tuổi trẻ là tương lai của đất nước vì vậy hơn ai hết cần có trách nhiệm với đất nước, dân tộc: ngoài trách nhiệm giữ gìn nền độc lập, tích cực xây dựng nước nhà ngày càng vững mạnh, còn là ý thức học tập, rèn luyện bản thân, cống hiến, giúp ích cho nước nhà..* |  |
| **Câu 2** | **Về kĩ năng:**  **-** Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Bài viết đảm bảo bố cục ba phần, rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | 12 |
|  | **Về kiến thức:** Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được những yêu cầu sau:  Học sinh có thể phân tích theo hướng sau:  **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Dẫn dắt câu nói  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến:**  **-** *Cách nhìn nhận* *mới:* Đây chính là cái nhìn, những phát hiện mới mẻ, độc đáo của nhà văn về con người, về cuộc đời. Cái nhìn mới mẻ, độc đáo luôn được coi là dấu hiệu bản chất nhất của phong cách nghệ thuật.  *- Tình cảm mới:* Tình cảm là thế giới tâm hồn đa dạng, phức hợp với những rung động thẩm mĩ của tác giả khác xa với những tình cảm, rung động bình thường.  → *“cách nhìn nhận mới, tình cảm mới về những điều, những việc mà ai cũng biết cả rồi”* là sự nhấn mạnh vào cá tính sáng tạo của nhà văn lớn - vốn là nhân tố quyết định tạo nên giá trị của một tác phẩm lớn. |  |
|  | **b. Chứng minh qua bài thơ “Lá đỏ” của Nguyễn Đình Thi**  **+ Hoàn cảnh ra đời bài thơ:** Bài thơ được sáng tác năm 1974, giai đoạn đất nước ta chuẩn bị tổng tiến công, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bài thơ có nội dung, cảm hứng chủ đạo là niềm tin vào sự chiến thắng của dân tộc. Tác phẩm như một lời dự cảm về ngày mai tươi sáng của đất nước, khi chúng ta đã dành được độc lâp, tự do, hòa bình.  **+ Luận điểm 1: Không gian nơi hai người gặp nhau ( Hai câu thơ đầu)**  - Có thể cảm nhận được vị trí nơi nhà thơ đứng là đỉnh Trường Sơn “cao lộng gió”, một nơi có thể phóng tầm mắt nhìn ra bao la, rộng lớn và bao quát. “Trên cao” còn có hàm ý về vị thế trong tư tưởng, tình cảm – tức cao quý, cao cả. Hai chữ “lộng gió” tựa như lòng người rộng mở, niềm tin phơi phới, đón chào những luồng gió Cách mạng.  - Từ đỉnh núi, ông thấy được cảnh thiên nhiên đẹp lạ lùng: “Rừng lạ ào ào lá đỏ”. Từ láy “ào ào” được sử dụng độc đáo, gợi ra cảnh một cơn cuồng phong làm nên trận “mưa” lá đỏ tuôn trào, mãnh liệt như sức sống Trường Sơn. Màu đỏ của lá tựa như màu đó của lá cờ Tổ quốc, của dòng máu chảy trong mỗi trái tim người con đất Việt.  **+ Luận điểm 2: Hình ảnh hai người gặp nhau (Bốn câu thơ tiếp)**  **-** Hình ảnh cô gái trẻ trung, xinh đẹp, dồi dào sức trẻ. Đáng lẽ ra những cô gái này phải được hưởng cuộc sống yên bình, hạnh phúc. Thế nhưng, vì đất nước còn đang có giặc xâm chiếm nên những cô gái ấy sẵn sàng lên đường, đôi vai gầy vẫn sẵn sàng quàng súng xông ra chiến trường.  **-** Hình ảnh con đường Trường Sơn được tác giả nhắc đến trong hai câu thơ.  *“Đoàn quân vẫn đi vội vã Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa.”*  **-** Đó là con đường đầy gian khổ và khắc nghiệt. Nhưng đoàn quân ta vẫn bước chân trập trùng, hối hả. Nó như rung chuyển đạp lên mọi khó khăn, thử thách. “Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa” bầu trời, khung cảnh Trường Sơn mịt mù, không phải do sương hay do cát bụi mà đây là do bom đạn, súng pháo bay nghi ngút. Khung cảnh thật khốc liệt làm sao. Qua câu thơ này ta có tể cảm nhận được khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp nhưng cũng vô cùng khốc liệt và máu lửa. Đó là một không gian đẹp và cũng chính là một biểu tượng của chiến tranh đã được bài thơ khắc họa.  **+ Luận điểm 3: Lời hứa hẹn, dự cảm về một Việt Nam chiến thắng, giải phóng Sài Gòn.**  **-** Hình ảnh em ở đây vừa hiện diện của hậu phương đang dồn mọi sức lực cho tiền tuyến vừa là đóng vai trò người lính ở tiền phương. Một lời chào nghe thì rất đơn giản nhưng ẩn sâu bên trong lời chào đấy là lời hứa hẹn về ngày trở lại khi đất nước đã giành được độc lập. Chiến dịch cuối cùng của cuộc trường chinh ấy sẽ mang tên Bác, gặp nhau giữa Sài Gòn là gặp nhau trong ngày toàn thắng. Không còn khói bụi rực trời nữa mà là khung cảnh vui mừng khôn xiết khi đất nước ta giành được độc lập.  **\* Đánh giá chung:**  - Bài thơ viết theo thể tự do. Trong 8 câu thơ có 7 câu là thể lục ngôn. Nhịp điệu thơ mang tính dồn dập, vững bền, chắc khoẻ. Yếu tố nghệ thuật chính làm nên thành công của “Lá đỏ” là hình ảnh, nhịp điệu và ngôn ngữ thơ. Ngôn ngữ thơ rất chân thực. Cuộc sống chiến trường sôi động, khắc nghiệt nhưng cũng rất trữ tình hiện lên một cách tự nhiên không một chút bóng bẩy, hào nhoáng. Bài thơ đã khắc họa hình ảnh sống động: lá đỏ, cô em gái tiền phương, đoàn quân - có sức gợi tả, khái quát cao cho vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề nghị luận  - Khẳng định nội dung câu nói |  |

**ĐỀ SỐ 27:**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Kỷ luật rất khó, bởi sự mê hoặc của lười nhác quả lớn, nằm dài trên sô pha xem bộ phim truyền hình thật thoải mái biết bao, ôm điện thoại lướt Weibo' mới dễ chịu làm sao. Thế nhưng, niềm vui ngắn ngủi này thực chất lại là một loại trầm luân biến tưởng, chỉ có thể mang đến sự chậm chạp trong tư duy, bệnh tật cho cơ thể và sự cằn cỗi cho tâm hồn.*

*Sống trong sự nhàn nhã lâu ngày, những người lười nhác sẽ ngày càng trở nên tạm bợ, không có hoài bão, không có lý tưởng. Những người chần chữ sẽ quen với việc tìm muôn vàn cớ khác nhau để tự an ủi mình. Những người ăn uống không điều độ, không có thời gian làm việc và nghỉ ngơi nhất định, cuộc sống không có quy hoạch sẽ gặp rất nhiều sai sót trong công việc và phiền não trong cuộc sống.*

*George Bernard Shaw từng nói: “Biết tự kiểm soát bản thân là bản năng của người mạnh mẽ nhất”. Ngược lại, người không biết tự khống chế bản thân, cuối cùng sẽ mất đi cả thế giới này.*

(Trích Càng kỷ luật, càng tự do, Ca Tây (Tuyết Mai dịch), NXB Thế giới, 2022, tr.15)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

**Câu 2.** Xác định phép liên kết câu về mặt hình thức trong hai câu sau:

*“Kỷ luật rất khó, bởi sự mê hoặc của lười nhác quả lớn, nằm dài trên sô pha xem bộ phim truyền hình thật thoải mái biết bao, ôm điện thoại lướt Weibo mới dễ chịu làm sao. Thế nhưng, niềm vui ngắn ngủi này thực chất lại là một loại trầm luân biến tướng, chỉ có thể mang đến sự chậm chạp trong tư duy, bệnh tật cho cơ thể và sự cằn cỗi cho tâm hồn”.*

**Câu 3.** Theo đoạn trích*, “sống trong sự nhàn nhã lâu ngày”* sẽ gây ra những tác hại nào?

**Câu 4.** Em hiểu như thế nào về câu nói của George Bernard Shaw trong đoạn trích trên: *“ Biết tự kiểm soát bản thân là bản năng của người mạnh mẽ nhất”*

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 *(2,0 điểm)*:**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của tính kỷ luật trong cuộc sống mỗi con người.

**Câu 2: “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn từ thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ”. (Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ - NXB Giáo dục Việt Nam, tr 12). Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng cảm nhận về truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê hãy làm sáng tỏ ý kiến.**

**1. Mở bài:**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến của Nguyễn Đình Thi: Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn từ thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ.

- Truyện ngắn “**Những ngôi sao xa xôi**” của Lê Minh Khuê sẽ góp phần làm sáng tỏ nhận định trên.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích ý kiến:**

+ Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại: đặc trưng riêng của tác phẩm nghệ thuật trong phương thức phản ánh đời sống. Người nghệ sĩ nào khi sáng tác cũng lấy vật liệu mượn ở thực tại – hiện thực khách quan về cuộc sống, con người, xã hội, để xây dựng nên tác phẩm của mình.

+ Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ: tác phầm không chỉ phản ánh cuộc sống thực tại khách quan (ghi lại cái đã có rồi) mà còn là nơi bộc lộ những suy nghĩ chủ quan, những tâm tư tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ, thể hiện những khám phá sáng tạo của người cầm bút. Ý kiến của Nguyễn Thi đề cập đến mối quan hệ giữa văn học và đời sống: Tác phẩm văn học lấy chất liệu ở thực tại đời sống khách quan nhưng không phải là sự sao chép giản đơn, chụp ảnh nguyên xi thực tại đấy mà cần có những sáng tạo. Bắt nguồn từ cuộc sống, bằng cách phản ánh cuộc sống, người nghệ sĩ bộc lộ cái mới mẻ trong sự khám phá, trong cách nhìn nhận riêng mình, qua đó góp tiếng nói của mình vào sự phát triển của văn học, của đời sống.

**b. Chứng minh (qua tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê)**

**+ Khái quát tác giả tác phẩm.**

- Truyện khai thác đề tài chiến tranh, lấy hiện thực cuộc sống và chiến đấu của nữ thanh niên xung phong trong những năm kháng chiến chống Mĩ làm chất liệu phản ánh. Lựa chọn đề tài này, tác phẩm của Lê Minh Khuê có nhiều điểm gặp gỡ với các tác phẩm sáng tác cùng thời (Sáng tác của Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Minh Châu…) Truyện kể về công việc và cuộc sống thường nhật của một tổ trinh sát mặt đường gồm ba cô gái thanh niên xung phong tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, có nhiều chi tiết, sự việc chân thực về bom đạn, chiến đấu hi sinh. Tác phẩm đã tái hiện được không khí dữ dội và ác liệt của chiến tranh. Qua đó, Lê Minh Khuê ca ngợi chủ nghĩa anh hùng và vẻ đẹp tâm hồn của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mĩ. Đó là vẻ đẹp của lí tưởng cách mạng, là tình yêu quê hương đất nước, lòng căm thù giặc, là niềm lạc quan, yêu cuộc sống thiết tha, sẵn sàng dâng hiến tuổi thanh xuân cho Tổ quốc.

**Luận điểm 1: Những sáng tạo mới mẻ của Lê Minh Khuê về nghệ thuật trần thuật**

+ Truyện được trần thuật theo ngôi thứ nhất. Lựa chọn phương thức trần thuật này sẽ nhà văn thể hiện cách nhìn độc đáo về chiến tranh, đồng thời đi sâu vào khai thác diễn biến tâm lí nhân vật. Đây là điểm khác biệt so với nhiều tác phẩm cùng thời. Đa số các nhà văn trong thời kì chống Mĩ thường ít chú ý khai thác tâm lí nhân vật mà chủ yếu tập trung xây dựng những hành động anh hùng. Nhân vật Phương Định có một thế giới nội tâm trong sáng, phong phú. Nỗi buồn, niềm vui, nỗi nhớ và cả những suy tư của nhân vật được thể hiện một cách tự nhiên, sinh động, chân thực. Điểm nhìn trần thuật ngôi thứ nhất đã xóa nhà khoảng cách giữa người kể chuyện và nhân vật khiến cho câu chuyện gần gũi bình dị và đời thường hơn. Cách trần thuật từ điểm nhìn ngôi thứ nhất cũng giúp cho nhân vật hiện lên tự nhiên với đầy đủ phẩm chất và đầy tính thuyết phục.

**Luận điểm 2: Những sáng tạo mới mẻ của Lê Minh Khuê về** **nghệ thuật xây dựng nhân vật.**

- Minh Khuê thể hiện được nét độc đáo trong phong cách truyện ngắn. Giữa khói lửa chiến tranh, vẻ đẹp của con người vẫn tỏa sáng. Nho, Thao, Phương Định là ba trong hàng triệu thanh niên xung phong thời bấy giờ. Ở họ vừa có cái bình dị đời thường vừa rất anh hùng. Trong cuộc sống họ can trường bao nhiêu thì trong cuộc sống sinh hoạt họ hồn nhiên bấy nhiêu. Họ thích hát, thích vui đùa, thích nhai kẹo, thích làm điệu và đôi khi rất yếu đuối thấy máu, thấy vắt là nhắm mắt lại, mặt tái mét.

- Tác giả đã xây dựng ba hình tượng nhân vật với những nét chung và những nét tính cách riêng. Nhà văn cũng không lí tưởng hóa, bọc nhân vật trong bầu không khí vô trùng mà để họ hiện lên thật đáng yêu, nữ tính. Điều đáng chú ý nữa là nhà văn luôn đi sâu miêu tả đời sống nội tâm của nhân vật, nhất là ở nhân vật Phương Định.

**Luận điểm 3: Những sáng tạo mới mẻ của Lê Minh Khuê,** **điểm khác biệt và cũng là thành công của tác phẩm so với những truyện ngắn cùng đề tài là ở giọng điệu, ngôn ngữ.**

**+** Giọng văn sinh động, trẻ trung với lối diễn đạt tự nhiên đã lôi cuốn bạn đọc. Tác giả còn rất linh hoạt trong việc sử dụng các kiểu câu, thường sử dụng những câu văn ngắn, nhịp nhanh, đôi khi những câu văn được sắp xếp theo trật tự bất thường, nhiều khi lộn xộn, không theo mạch tư duy thông thường.

+ Giọng văn tự nhiên, kết hợp với kĩ thuật trần thuật hiện đại đã làm nên vẻ đẹp riêng cho **Những ngôi sao xa xôi.**

**c. Đánh giá chung:**

- Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đề cập đến nội dung có tính chất đặc trưng của tác phẩm văn nghệ nói chung, tác phẩm văn học nói riêng, gợi ý cho người đọc về phương pháp tiếp cận tác phẩm đúng đắn và sâu sắc. Đọc tác phẩm không chỉ đơn thuần là lĩnh hội giá trị của tác phẩm mà còn đồng cảm với nhà văn, trân trọng những sáng tạo hết mình của họ cho nghệ thuật.

- Để có một nội dung sâu sắc, hấp dẫn, nhà văn chẳng những phải có vốn sống phong phú, sự từng trải mà còn phải có tài năng nghệ thuật, và quan trọng nhất là tình cảm chân thành, tư tưởng đúng đắn.

- Những sáng tạo mới mẻ tạo nên thành công và sức hấp dẫn riêng của tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”. Viết về chiến tranh nhưng đậm chất lãng mạn, chất trữ tình ngọt ngào sâu lắng.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận là hoàn toàn đúng.

- Liên hệ bản thân, rút ra bài học.

**ĐỀ SỐ 31:**

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*một con sông chảy qua thời gian*

*chảy qua lịch sử*

*chảy qua triệu triệu cuộc đời*

*chảy qua mỗi trái tim người*

*khi êm đềm khi hung dữ*

*một con sông rì rào sóng vỗ*

*trong muôn vàn trang thơ*

*làm nên xóm thôn, hoa trái, những ngôi nhà*

*tạo sắc áo, màu cây, và tiếng Việt*

*[…]*

*máu ta mang sắc đỏ sông Hồng*

*nỗi khổ và niềm vui bất tận*

*luôn luôn mới đến, luôn luôn ra đi*

*luôn già nhất và luôn trẻ nhất*

*sông để lại trước khi về với biển*

*không phải máu đen độc ác của quân thù*

*không phải gươm đao ngàn năm chiến trận*

*không phải nghẹn ngào tiếng nấc*

*sau sụp lở hưng vong say thù hận sóng trào*

*là bãi mới của sông xanh ngát*

*là đất đai lấn dần ra biển*

*là tâm hồn đằm thắm phù sa*

*dâng yêu thương đỏ rực đôi bờ*

*(Trích Sông Hồng, Lưu Quang Vũ, Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr286-288)*

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.**Theo đoạn trích, sông Hồng đã để lại những gì trước khi về với biển?

**Câu 3.** Những dòng thơ sau giúp anh/chị hiểu gì về vai trò của sông Hồng đối với đời sống con người Việt Nam?

*một con sông rì rầm sóng vỗ*

*trong muôn vàn trang thơ*

*làm nên xóm thôn, hoa trái, những ngôi nhà*

*tạo sắc áo, màu cây, và tiếng Việt*

**Câu 4**. Nội dung hai dòng thơ sau có ý nghĩa gì với anh/chị?

*máu ta mang sắc đỏ sông Hồng*

*nỗi khổ và niềm vui bất tận*

**II. LÀM VĂN *(7.0 điểm)***

**Câu 1*(2.0 điểm)***

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

**Đề 12: "Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn" (M.L.Kalinine)**

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về **tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long** hãy làm sáng tỏ ý kiến trên? **Liên hệ với “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê để thấy được giá trị của văn học mà mỗi nhà nghệ sĩ mang lại cho bạn đọc.**

**- Đảm bảo cấu trúc một bài văn**

- Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.

**- Xác định đúng vấn đề : "Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn**

**- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận.** Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu và trích dẫn ý kiến.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích khái niệm:**

- Văn học: Loại hình nghệ thuật ngôn từ, phản ánh hiện thực bằng cách sáng tạo các hình tượng nghệ thuật, qua đó bày tỏ quan điểm, thái độ của người nghệ sĩ với cuộc sống.

**-** Làm cho con người thêm phong phú, tức làm nảy nở trong con người những tình cảm mới, rèn dũa những tình cảm cũ; khơi dậy trong họ những nhận thức mới mẻ, sâu sắc về cuộc đời, giúp họ có thêm những trải nghiệm cuộc sống.

- “Tạo khả năng để con người lớn lên”: Sống tốt đẹp hơn, biết ứng xử một cách nhân văn.

- Hiểu được con người nhiều hơn: thấu hiểu bản chất của con người, qua đó thấu hiểu chính bản thân mình.

=> Lời nhận định của M. L. Kalinine đề cập đến những chức năng của văn học.

**b. Bàn luận:**

**Luận điểm 1: Vì sao nói “Văn học làm cho con người thêm phong phú?”**

- Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống, là cuốn bách khoa toàn thư về cuộc sống. Qua văn học, con người có được những hiểu biết sâu sắc hơn về tự nhiên, về xã hội, về chính bản thân mình.

- Mặt khác, văn học là “tiếng nói của tình cảm, là sự giãi bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà), qua văn học, con người tìm thấy mình trong đó, cảm nhận được những cung bậc tình cảm đa dạng trong thế giới nội tâm con người, được giãi bày, được đồng cảm, được sẻ chia, được gợi ra những tình cảm chưa có, được trui rèn những tình cảm sẵn có.

- Hơn thế nữa, mỗi tác phẩm văn học là một cuộc trải nghiệm, là cơ hội để ta du hành qua không gian và thời gian, vượt qua mọi bờ cõi và giới hạn, trải nghiệm nhiều hơn, sống nhiều hơn qua những cuộc đời khác nhau, được nhìn cuộc đời dưới nhiều lăng kính, được lắng nghe nhiều luồng tư tưởng, được đối thoại với nhà văn è Giàu có, phong phú hơn về trải nghiệm sống.

**Luận điểm 2: Chính vì vậy, văn học “tạo khả năng giúp con người lớn lên”**

**-** Từ những trải nghiệm đó, văn học giúp con người lớn lên về mặt nhân cách, về mặt tâm hồn.

- Trang sách đóng lại, tác phẩm nghệ thuật mới mở ra, “Cuộc đời là điểm khởi đầu và là điểm đi tới của văn chương”, mỗi tác phẩm như một nấc thang nâng đỡ bước chân người đọc tách khỏi phần con để đi đến phần người, tiệm cận các giá trị Chân Thiện Mỹ mà họ hằng ngưỡng vọng.

**Luận điểm 3: Hạt nhân của khả năng làm người đọc phong phú về tâm hồn đó, giúp họ lớn lên, chính là hiểu biết về con người.**

**-** Đối tượng phản ánh của văn học chính là con người trong các mối quan hệ xã hội, soi chiếu dưới lăng kinh thẩm mỹ. “Cuộc đời và nghệ thuật là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người” (Nguyễn Minh Châu), “Văn học là nhân học” (Maxim Gorki). Văn học khơi sâu tìm hiểu những vẻ đẹp, những “hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn con người” (Nguyễn Minh Châu), văn học khám phá những khát vọng muôn thuở của nhân loại, tìm lời giải đáp cho những trăn trở có tính nhân bản: vấn đề sống – chết, vấn đề chiến tranh – hòa bình, vấn đề ý nghĩa của cuộc sống.

**\* Chứng minh:**

**+ Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm**

**\* Văn học làm cho con người thêm phong phú**

- “Lặng lẽ Sa Pa” được sáng tác năm 1970, trong chuyến đi thực tế của tác giả ở Lào Cai. Đây là một truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

**Luận điểm 1. Đến với “Lặng lẽ Sa” bạn đọc có thêm những hiểu biết mới mẻ về về thiên nhiên Sa pa.**

**Lặng lẽ Sa Pa** là một bức tranh thiên nhiên thơ mộng, huyền ảo, độc đáo làm say đắm lòng người.

- Vẻ đẹp Sa Pa bắt đầu bằng những rặng đào, những cánh đồng cỏ trong thung lũng, những đàn bò lang cổ đeo chuông đang thung thăng gặm cỏ, những tia nắng thật kì lạ, mây Sa Pa cũng được tác giả tả rất nhiều và rất lạ. Sa Pa còn được tô điểm thêm những màu sắc tươi sáng của các loại cây lạ, và nhất là các loại hoa.

=> Được thưởng thức thiên nhiên Sa Pa qua từng trang truyện ta có cảm giác như được chiêm ngưỡng những tác phẩm hội họa lung linh, kì ảo. Con mắt nhìn tinh tế của trái tim nghệ sĩ biết yêu và rung động trước cái đẹp của Nguyễn Thành Long và bút pháp lãng mạn đã chọn lọc được những nét đẹp tiêu biểu của thiên nhiên Sa Pa, khơi gợi trong lòng ta một tình yêu quê hương đất nước.

**Luận điểm 2: Đến với “Lặng lẽ Sa Pa”, bạn đọc có thêm những hiểu biết mới mẻ về con người nơi Sa Pa - những con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người mới trong thời kì xây dựng Chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ cứu nước.**

- Ý thức trách nhiệm trước công việc: anh thanh niên, đồng chí cán bộ khoa học.

- Sống có lý tưởng, sẵn sàng cống hiến: anh thanh niên, cô kỹ sư trẻ (cô kĩ sư trẻ mới ra trường lần đầu tiên xa Hà Nội, dũng cảm lên nhận công tác tại Lai Châu. Cô là lớp thanh niên thề ra trường đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì…)

- Nhận thức sâu sắc ý nghĩa công việc: anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, người cán bộ nghiên cứu khoa học…

- Yêu thích, say mê công việc, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, dám chấp nhận cuộc sống cô độc để làm việc, làm việc một cách kiên trì, tự giác bất chấp hoản cảnh : anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, người cán bộ nghiên cứu khoa học.

=> Khẳng định, khái quát: Tác phẩm thật sự là một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của người lao động bình thường mà cao cả. Họ chính là những thế hệ tiêu biểu cho lớp người mới, cho thanh niên Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước. Tuy không trực tiếp chiến đấu, song họ đã góp phần không nhỏ để xây dựng cuộc sống mới và góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến của dân tộc. Họ nối tiếp nhau xứng đáng là chủ nhân của đất nước này.

**Luận điểm 3: Qua “ Lặng lẽ Sa Pa”, người đọc còn cảm nhận được vẻ đẹp toả ra từ những đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.**

- Truyện đã xây dựng được một tình huống truyện hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.

- Các nhân vật trong truyện đều không có tên riêng, chỉ được nhà văn gọi theo giới tính và tuổi tác (anh thanh niên, cô kĩ sư nông nghiệp, ông hoạ sĩ già...) => Dụng ý của tác giả muốn người đọc liên tưởng đến những nhân vật tốt đẹp mà trong truyện không phải chỉ là những cá nhân riêng lẻ mà là số đông. Điều này tăng thêm sức khái quát đời sống của câu chuyện.

- Truyện có chất thơ bàng bạc toát lên từ các chi tiết, từ khung cảnh thiên nhiên Sa Pa đẹp như những bức tranh và chất thơ ấy còn ở chính trong tâm hồn các nhân vật với những suy nghĩ, cảm xúc thật trong sáng, đẽ. Chất thơ của truyện lại đi liền với chất họa.

**\*** **Văn học giúp người đọc hiểu thêm về con người – Qua Lặng lẽ Sa Pa người đọc hiểu thêm vẻ đẹp tâm hồn những con người bình dị, tiểu biểu cho những con người ấy là nhân vật anh thanh niên**.

- Vượt lên hoàn cảnh sống khắc nghiệt, anh có suy nghĩ rất đẹp:

+ Với công việc khắc nghiệt gian khổ, anh luôn yêu và mong muốn được làm việc ở điều kiện lý tưởng (đỉnh cao 3000 m)

+ Anh có những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về cuộc sống con người: “khi ta làm việc, ta với công việc là một, sao lại gọi là một mình được”

+ Anh thấu hiểu nỗi vất vả của đồng nghiệp

+ Quan niệm về hạnh phúc của anh thật đơn giản và tốt đẹp

- Hành động, việc làm đẹp

+ Mặc dù chỉ có một mình không ai giám sát nhưng anh luôn tự giác hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ốp dù mưa gió thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc một cách đều đặn và chính xác 4 lần trong một ngày)

- Anh thanh niên có phong cách sống cao đẹp

  + Anh có nếp sống đẹp khi tự sắp xếp công việc, cuộc sống của mình ở trạm một cách ngăn nắp: có vườn rau xanh, có đàn gà đẻ trứng, có vườn hoa rực

 + Đó là sự cởi mở chân thành với khách, quý trọng tình cảm của mọi người

+ Anh còn là người khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc của mình có những đóng góp chỉ là nhỏ bé

→ Chỉ bằng những chi tiết và chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc của truyện, tác giả phác họa được chân dung nhân vật chính với vẻ đẹp tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc.

**\*** **Qua đó, văn học giúp người đọc lớn hơn. Tác phẩm gợi lên những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác về con người và về nghệ thuật”.**

- Cuộc sống của mỗi người chỉ thực sự ý nghĩa khi mọi việc làm , hành động của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu và tự hào về mảnh đất mình đang sống.

- Con người biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa của công việc mình làm . Con người cần tự nhìn vào chính bản thân để sống tốt đẹp hơn.

- Thông qua suy nghĩ của người hoạ sĩ : vẻ đẹp của con người và của cuộc sống chính là nguồn cảm hứng vô tận để người nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật có giá trị .

**\* Liên hệ**

**1. Điểm tương đồng:**

+ Cả hai tác phẩm đều thể hiện …..

+ Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm; hình ảnh dung dị, mộc mạc, giọng điệu tha thiết, say mê, chất thơ bàng bạc toát lên từ các chi tiết, từ khung cảnh.

**2. Điểm khác biệt:**

**- Hoàn cảnh:**

**- Nội dung:**

**+ NNSXX** giúp bạn đọc có thêm những hiểu biết mới mẻ về cuộc sống, xã hội nước ta những năm 30,về khung cảnh thiên nhiên vùng biển đẹp thơ mộng, những người con trai tráng của làng chài căng tràn nhựa sống và hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đầy tráng khí. **Tác phẩm** còn khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua niềm tự hào của tác giả khi giới thiệu về quê hương mình, về cuộc sống của người dân làng chài ven biển, về nỗi nhớ da diết của nhà thơ đối với quê hương. Cảm xúc thơ nghiêng về yêu thương, tự hào về mảnh đất, vẻ đẹp của con người quê hương.

+ Còn LLSP: Giúp ta hiểu được đằng sau cái vẻ lặng lẽ của Sa Pa là cuộc sống sôi nổi của những con người đầy trách nhiệm đối với công việc, đối với đất nước. Tác giả ca ngợi những con người ngày đêm lao động hăng say, đầy nhiệt huyết, miệt mài lặng lẽ, âm thầm cống hiến cho đất nước.

**- Nghệ thuật:**

+ NNSXX:

**+ Còn Lặng lẽ Sa Pa:**

- Những câu văn dài kết hợp với hình ảnh đẹp, thơ mộng núi rừng Sa Pa.

- Giọng văn nhẹ nhàng, êm dịu nhưng sâu lắng như bản nhạc ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên và con người.

**\* Đánh giá khái quát:**

- Khẳng định lại tính đúng đắn của nhận định.

- Để đạt được những điều tác giả nhận định nói, mỗi nhà văn còn cần một hình thức nghệ thuật phù hợp và độc đáo để làm nên **hình hài sắc vóc** cho tác phẩm văn học, giúp tác phẩm đến gần hơn với bạn đọc.

- Đối với bạn đọc: cần hòa mình vào tác phẩm để thấy được cái hay, cái đẹp và thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định vai trò, chức năng của văn học.

- Liên hệ mở rộng.

**ĐỀ SỐ 33:**

**I. ĐỌC – HIỂU ( 4,0 điểm ):**

**Đọc đoạn trích:**

*Anh ngã xuống đường băng Tân Sơn Nhứt*

*Nhưng Anh gượng đứng lên tì súng trên xác trực thăng*

*Và Anh chết trong khi đang đứng bắn*

*Máu Anh phun theo lửa đạn cầu vồng.*

*Chợt thấy Anh, giặc hốt hoảng xin hàng*

*Có thằng sụp xuống chân Anh tránh đạn*

*Bởi Anh chết rồi nhưng lòng dũng cảm*

*Vẫn đứng đàng hoàng nổ súng tiến công*

*Anh tên gì hỡi Anh yêu quý*

*Anh vẫn đứng lặng im như bức thành đồng*

*Như đôi dép dưới chân Anh giẫm lên bao xác Mỹ*

*Mà vẫn một màu bình dị, sáng trong*

*Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ*

*Anh chẳng để lại gì cho riêng Anh trước lúc lên đường*

*Chỉ để lại cái dáng-đứng-Việt-Nam tạc vào thế kỷ:*

*Anh là chiến sĩ Giải phóng quân.*

*Tên Anh đã thành tên đất nước*

*Ôi anh Giải phóng quân!*

*Từ dáng đứng của Anh giữa đường băng Tân Sơn Nhứt*

*Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân.*

(*Dáng đứng Việt Nam*, Thơ Lê Anh Xuân, NXB Giáo Dục, 1981)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1** (0.75 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ.

**Câu 2** (0.75 điểm): Tìm những hình ảnh diễn tả sự hi sinh của người lính.

**Câu 3** (1.0 điểm): Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

*Từ dáng đứng của Anh giữa đường băng Tân Sơn Nhứt*

*Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân*

**Câu 4** (1,5 điểm): Thông điệp có ý nghĩa nhất em rút ra từ bài thơ là gì?

**II. LÀM VĂN**

Câu 1: Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một bài trả lời câu hỏi: Tại sao cần xoá bỏ ranh giới trong cuộc sống?

**ĐỀ SỐ 35:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm).**

***Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

(1)*“*Thế giới cần nâng niu quá đỗi. Ta sống đời lại thô tháp làm sao. Ta làm tổn thương những dòng sông. Ta làm tổn thương những mặt đầm. Ta làm tổn thương những mảnh vườn. Ta làm tổn thương những mùa hoa trái. Ta làm tổn thương những bình minh yên ả. Ta làm tổn thương những canh khuya trong vắng. Ta làm đau những niềm người quá đỗi mong manh...

(2) Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mênh mông quen trầm mặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những hồ đầm quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhẫn nhịn. Những góc vườn quen che giấu. Những thảm rêu vốn không biết dỗi hờn. Những đoá hoa không bao giờ chì chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa… Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu*”.*

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Em hãy cho biết chủ đề của đoạn văn (1).

**Câu 3**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (2).

**Câu 4**. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: *“Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu*.*”?*

**II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm).**

**Câu 1. (6 điểm)**

Anh/chi ̣hãy viết một bài văn (khoảng 2 trang giấy) trình bày suy nghĩ về câu nói của Sir Winston Churchill: *Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn*

**THAM KHẢO 1 SỐ ĐỀ NLVH VÀ BÀI VĂN**

**Đề 9: Nhà thơ Xuân Diệu viết: *Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam*. Qua chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.**

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**

**1. Mở bài**

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến: Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam**

- Điều đầu tiên ta thấy trước hết là hình ảnh mùa thu trong ba bài thơ đều được diễn ra trên nền của không gian làng quê. Đó là những hình ảnh mùa thu diễn ra trên làng quê.

+ Mùa thu rất quen thuộc trong thơ ca từ cổ chí kim, vốn là đề tài muôn thưở gần gũi và quen thuộc của các thi nhân. Mùa thu là mùa đẹp gợi cảm hứng cho các nhà thơ thổ lộ tâm tình của mình.

+ Trước Nguyễn Khuyến, cảnh thôn quê đã từng xuất hiện ít nhiều trong thơ Nguyễn Trãi:

*“Ao cạn, vớt bèo cấy muống*

*Đìa thanh phát cỏ ương sen”.*

Nhưng chỉ đến Nguyễn Khuyến, văn học mới thực sự trở về làng quê, về với người dân nơi thôn dã.

+ Nguyễn Khuyến “n*ổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là thơ Nôm*” (Xuân Diệu). Ba bài “*Thu Điếu”, “Thu Vịnh”, “Thu ẩm*” thể hiện tập trung nhất sự đa dạng và tinh tế của tác giả. Mỗi bài thơ thu của Nguyễn Khuyến miêu tả, cảm nhận mùa thu ở một không gian, thời gian không giống nhau nhưng tất cả đó đều là những cảnh vật rất thật của nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ở đây, không hề có những ước lệ vốn đã thành quen thuộc trong thơ cổ. Một bầu trời xanh ngắt, ao thu trong veo, một cần trúc hắt hiu trong gió, một ngõ xóm quanh co, mấy gian nhà tranh mái rạ, một hàng giậu phất phơ bóng khói ban chiều… đó đều là những cảnh rất thân thuộc của làng quê Việt Nam. Nó yên ả thanh bình như vốn có tự ngàn đời chứ chưa hề động gót giày của quân xâm lược Pháp. Nó gợi trong ta cái tình quê, hồn quê sâu thẳm.

***b. Phân tích ý kiến***

***b.1. Hình ảnh thôn quê hiện lên trong cả ba bài về mùa thu của Nguyễn Khuyến.***

**\* “Thu vịnh” (“Vịnh mùa thu”)**

- Bài thơ không tả mùa thu từ một nơi, trong một lúc mà là bức tranh tổng hợp, khá hoàn chỉnh về mùa thu. Ở đây hầu như có đủ những hình ảnh đặc trưng cho mùa thu ở thôn quê Việt Nam (bầu trời cao xanh, cần trúc mảnh mai, gió thu nhẹ, mặt nước biếc phu sương khói, ánh trăng trong, chùm hoa trước giậu…). Chỉ bằng mấy nét chấm phá, Nguyễn Khuyến đã gợi được cái hồn thu nơi từng cảnh vật.  Cảm nhận tinh tế của thi nhân được thể hiện rõ qua cách dùng từ:

*“Trời thu xanh ngắt mấy từng cao*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*

*Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào…”*

Cảnh mùa thu trong *Thu vịnh* thật thanh khiết, tĩnh lặng. Từ đường nét đến màu sắc, từ âm thanh đến vận động… cái gì ở đây cũng dịu, cũng nhẹ. Ấy cũng là đặc điểm tâm hồn Nguyễn Khuyến. Ông không hợp với những gì ồn ào, xô bồ, rực rỡ. Tâm hồn ông dễ xúc động với những vẻ đẹp thanh tao, uyển chuyển, những sắc màu sáng trong, dịu mát. Tâm hồn ấy cùng thường phả vào cảnh vật một chút hắt hiu, buồn rầu.

Không khí làng quê mùa thu ở *Thu vịnh* im ắng và phảng phất nỗi u hoài. Không gian và thời gian trở nên mông lung, không xác định trong tâm trạng bâng khuâng buồn của thi nhân:

*Mấy chùm trước giận hoa năm ngoái*

*Một tiếng trên không ngỗng nước nào…*

Thế giới thiên nhiên này gợi lên cảm giác yên tĩnh trong trẻo và ngưng lọng ngàn đời. Trước những biến động ngang trái của cuộc đời, Nguyễn Khuyến muốn được mãi mãi ở trong vẻ đẹp thanh tĩnh của làng quê.

**\* “Thu điếu” (“Câu cá mùa thu”)**

- Bài thơ cảm nhận mùa thu từ một không gian xinh xắn, thơ mộng, từ điểm nhìn của một người câu cá. Mở đầu bằng một cảnh thu bình dị rất riêng của làng, quê đồng bằng Bắc Bộ: ao thu. Một thế giới tĩnh lặng, trong suốt mà trong đó mọi vật hài hòa nhẹ nhõm:

*“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.”*

- Những chuyển động, âm thanh trong thế giới thu này thật nhẹ nhàng và chỉ càng gây ấn tượng về sự đọng kết, sự tĩnh lặng. Làn sóng biếc chỉ “gợn tí”. Lá vàng cũng “khẽ đưa vèo trong gió thu… Hai câu thực tả cảnh gần, hai câu luận tả canh cao, cảnh xa để hợp tạo thành bức tranh thu yên ả, đượm buồn. Chỉ ở mùa thu mới có “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt” ấy (ba lần trong ba bài thơ thu đều xuất hiện bầu trời xanh ngắt). Cũng chỉ ở làng quê xứ Bắc đang độ thu mới có “Ngõ trúc quanh co khách vắng teo” ấy!

- Trong bức tranh thu ở *Thu điếu* hiện lên hình ảnh con người đang ngồi câu cá nơi ao thu lạnh lẽo”. Song con người này cũng chẳng hề đánh động thêm gì cho bức tranh. Trái lại, tư thế và tâm tưởng của con người chỉ tạo thêm ấn tượng về sự ngưng đọng mà thôi.

**\* “Thu ẩm” (“Uống rượu mùa thu”)**

- Đây là mùa thu được cảm nhận bằng tâm trạng của một người ngồi uống rượu. Lúc này, cảnh thu sẽ mang các ấn tượng nỗi niềm riêng – dường như cũng chập chờn, mờ ảo. Có lẽ vì thế mà bài thơ có nhiều từ lấp láy và dùng vần “oe”.

- *Thu ẩm* không miêu tả riêng một cảnh thu ở một thời điểm nào mà là sự “tổng hợp nhiều cảnh thu ở nhiều thời điểm” (Xuân Diệu). Bài thơ cũng không hề có một chữ “thu” (khác với “trời thu” ở *Thu vịnh* và “ao thu” ở Thu điếu). Vậy mà đọc lên ta nhận ra chính xác cảnh sắc thu quen thuộc của làng quê Việt Nam. Đây là một mái nhà tranh bình dị trong ngõ tối vào đêm sâu lập lòe những con đom đóm:

*“Năm gian nhà cỏ thấp le te.*

*Ngõ tối đèm sâu đóm lập lòe.”*

- Phải là “ngõ tối”, “đêm sâu” thì mới có thể thấy “đóm lập lòe”; ngược lại, cái lập lòe của con đom đóm ấy lại càng khiến cho ngõ tối bỗng tối hơn, đêm sâu thành sâu hơn… Đây là cảnh của buổi sáng sớm (hay buổi chiều) với khói nhạt phất phơ nơi lưng giậu. Rồi lại cảnh đêm trăng với mặt ao lóng lánh:

*“Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt*

*Làn áo lóng lánh, bóng trăng loe.”*

Lại một một bầu trời trong suốt ở buổi ban trưa hay ban chiều với màu xanh thăm thẳm:

*“Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt.”*

Bài thơ tạo trong ta ấn tượng “phi thời gian” nhưng cũng gợi rất sâu vào không khí tĩnh mịch, trong lành vô cùng thân thuộc của thôn quê Việt Nam.

**b.2. Hình ảnh con người – nhân vật trữ tình:**

- Trong chùm thơ thu Nguyễn Khuyến ta không chỉ bắt gặp cảnh mà còn bắt gặp hình ảnh con người thi nhân. Nếu trong thơ ca trước đó, tính ước lệ, quy phạm khiến cho hình ảnh của tác giả thường mờ nhạt, khó có thể cụ thể giọng điệu cảm xúc thì ở chùm thơ thu này, hình ảnh Nguyễn Khuyến hiện lên rất rõ. Đó là hình ảnh của một con người luôn nghĩ về thời thế:

- Trong “Thu điếu” ta thấy dáng ngồi câu cá “tựa gối ôm cần” thú vui câu cá tao nhã của thi nhân:

“*Tựa gối ôm cần lâu chẳng được*

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo”.*

Tiếng cá kia cũng chỉ tồn tại trong sự liên tưởng mà thôi chứ thực chất bức tranh mùa thu tĩnh lặng tuyệt đối, cái giật mình là giật mình của một tâm trạng chưa bao giờ yên cả.

– Trong “Thu Vịnh” tác giả cảm thấy “thẹn”, cái thẹn đó có thể là thẹn về nhân cách hay về tài thơ so với Đào Tiềm. Phải chăng đó chỉ là cái cớ cho một nỗi thẹn thường trực của thi nhân với non sông đất nước?

*“Nhân hứng cũng vừa toan cất bút*

*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào”*

- Và đến “Thu ẩm” thì nỗi đau, nỗi cô đơn đã hiện ra cả hành động. Đó là hành động mượn rượu giải sầu:

*“Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt*

*Mắt lão không ầy cũng đỏ hoe”*

Điều đó đã cho thấy cảm giác của nỗi khôn nguôi, nỗi cô đơn, của một thân phận cô độc trong thời tao loạn, lủi thủi sống nơi thôn quê. Ông day dứt về quê hương đất nước, mặc cảm cứ tự trách mình hổ thẹn với non sông:

*“Ơn vua chưa chút báo đền,*

*Cúi trông thẹn đất, ngửa trông thẹn trời”*

*(“Di chúc”)*

- Ba bài thơ tuy giống nhau về diểm nhìn của tác giả, hệ thống các phương thức biểu hiện. Nhưng mỗi bài lại mang một nét độc đáo của thơ Nguyễn Khuyến. Làng cảnh Việt Nam đặc sắc, quen thuộc, đơn sơ, dung dị, đáng yêu. Cái hồn của quê hương hiện lên thật rõ ràng. Nó rất tiêu biểu cho thơ trữ tình của Nguyễn Khuyến về quê hương thanh đạm, tinh tế, vài nét chấm phá mà vẫn hội tụ được nhiều vẻ đẹp.

**c. Bình luận**

*- Đây là ý kiến đúng:*Ba bài thơ mỗi bài có những vẻ đẹp khác nhau song hội tụ lại đều nói về cảnh thu, hồn thu về làng cảnh, cuộc sống, phong tục, con người. Trong thơ Nguyễn Khuyến phảng phất một cái buồn lặng lẽ như chính tâm hồn của nhà thơ. Mọi cảnh vật đều đẹp, thanh sơ mang màu sắc của vùng quê đồng bằng Bắc Bộ với một bầu trời thu xanh cao, một không khí bảng lảng sương khói, một làn gió thu se lạnh, một ao bèo, một thuyền câu… những hình ảnh này không chỉ là các chi tiết về vùng quê mà nó còn chứa đựng cả tâm hồn nhà thơ.

- Đến với chùm ba bài thơ thu của Nguyền Khuyến, ta bắt gặp những cảnh sắc không thể lẫn của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Những bức tranh thu ấy được vẽ nên bằng tấm lòng yêu mến quê hương mình, bằng tình yêu cuộc sống thanh cao, tĩnh lặng chốn thôn quê của cụ Tam nguyên Yên Đổ. Thành công của những bài thơ thu này cũng chứng tỏ tâm hồn tinh tế, ngòi bút tài hoa của Nguyễn Khuyến. Chúng đưa ông lên địa vị danh dự trong các thi nhân viết về mùa thu, trong những nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

**d. Mở rộng**

 Đối với người đọc, cần trân trọng tài năng của tác giả trong việc tả cảnh vật thân thuộc, đơn sơ mà dung dị, đáng yêu của làng cảnh Việt Nam. Cái nhìn trên bề mặt cùng cái hồn đồng quê hiện lên rất rõ trong từng câu, từng chữ. Đồng thời cũng đồng cảm với cái tình của nhà thơ vô cùng đằm thắm và tinh tế. Từ đó bồi đắp thêm tình yêu đối với quê hương, đất nước.

1. **Kết bài**

|  |
| --- |
| **ĐỀ 5: Chứng minh rằng: “Nam quốc sơn hà” được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc.** |

Lòng yêu nước là mạch nguồn cảm xúc dạt dào xuyên suốt dòng chảy văn học Việt Nam từ hàng ngàn năm nay. Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, nội dung yêu nước lại được thể hiện ở những khía cạnh riêng. Bài thơ “Sông núi nước Nam” tương truyền do Lý Thường Kiệt sáng tác trong cuộc kháng chiến chống Tống được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân Việt Nam. Bài thơ là tiếng nói khẳng định độc lập, chủ quyền và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.

Được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam, bài thơ thần "Nam quốc sơn hà" của chủ tướng Lý Thường Kiệt đã trở thành một áng thơ văn bất hủ, không chỉ khẳng định được vấn đề về lãnh thổ, chủ quyền, độc lập của dân tộc Việt Nam, mà bài thơ còn thể hiện được tính thần lực, tự tôn dân tộc mãnh mẽ của vị chủ tướng tài ba Lý Thường Kiệt cũng như những người dân Việt Nam nói chung. Bài thơ cũng là lời khẳng định tuyên bố đanh thép của tác giả đối với những kẻ có ý định xâm lăng vào lãnh thổ ấy, xâm phạm vào lòng tự tôn của một dân tộc anh hùng.

Trong cuộc chiến đấu chống quân Tống của quân dân Đại Việt, chủ tướng Lý Thường Kiệt đã đọc bài thơ thần "Nam quốc sơn hà" ở đền thờ hai vị thần Trương Hống, Trương Hát - Là hai vị thần của sông Như Nguyệt. Khi bài thơ thần này vang lên vào thời điểm đêm khuya, lại được vọng ra hùng tráng, đanh thép từ một ngôi đền thiêng liêng nên đã làm cho quân Tống vô cùng khiếp sợ, chúng đã vô cùng hoảng loạn, lo lắng, nhuệ khí của quân giặc bị suy giảm một cách nhanh chóng. Cũng nhờ đó mà quân dân ta có thể tạo ra một chiến thắng lừng lẫy, oai hùng sau đó.

Mở đầu bài thơ, tác giả Lý Thường Kiệt đã khẳng định một cách chắc chắn, mạnh mẽ về vấn đề chủ quyền, ranh giới lãnh thổ của dân tộc Đại Việt, đó là ranh giới đã được định sẵn, là nơi sinh sống của người dân Đại Việt. Lời khẳng định này không phải chỉ là lời khẳng định của tác giả, mà tác giả còn đưa ra những luận chứng sắc sảo, đó là bởi "sách trời" quy định. Tức sự độc lập, chủ quyền về lãnh thổ ấy được trời đất quy định, chứng giám. Một sự thật hiển nhiên mà không một ai có thể chối cãi được:

*"Sông núi nước Nam vua Nam ở*

*Rành rành định phận ở sách trời"*

Sông núi nước Nam là những vật thuộc quyền sở hữu của người Nam, cũng là những hình ảnh biểu tượng không chỉ cho ranh giới, chủ quyền của người nam mà còn khẳng định một cách chắc chắn quyền sở hữu của "sông núi" ấy là của người Nam. Chúng ta cũng có thể thấy đây là lần đầu tiên trong một tác phẩm thơ văn mà vấn đề chủ quyền dân tộc được khẳng định mạnh mẽ, hào sảng đến như vậy. Không chỉ là dân tộc có chủ quyền, có lãnh thổ mà dân tộc ấy còn có người đứng đầu, người quản lí, làm chủ người dân của quốc gia ấy, đó chính là "vua Nam". Chủ quyền ấy, lãnh thổ cương vực ấy không phải do người Nam tự quyết định lựa chọn cho mình, người dân nơi ấy chỉ sinh sống, làm ăn sinh hoạt từ rất lâu đời, do sự định phận của "sách trời", đó là đấng cao quý vì vậy mọi sự quy định, chỉ dẫn của "trời" đều rất có giá trị, đều rất đáng trân trọng. "Rành rành" là dùng để chỉ sự hiển hiện, tất yếu mà ai cũng có thể nhận biết cũng phân biệt được. "Rành rành định phận ở sách trời" có nghĩa vùng lãnh thổ ấy, chủ quyền ấy của người Nam đã được sách trời ghi chép rõ ràng, dù có muốn cũng không thể chối cãi, phủ định. Như vậy, ở hai câu thơ đầu, tác giả Lý Thường Kiệt không chỉ đưa ra luận điểm là lời khẳng định hào sảng, chắc chắn về vùng lãnh thổ, ranh giới quốc gia và chủ quyền, quyền làm chủ của nhân dân Đại Việt với quốc gia, dân tộc mình mà tác gỉ còn rất tỉnh táo, sắc sảo khi đưa ra những luận cứ đúng đắn, giàu sức thuyết phục mà còn đưa ra một sự thật mà không một kẻ nào, một thế lực nào có thể phủ định, bác bỏ được nó. Giọng văn hào hùng, mạnh mẽ nhưng không giấu được niềm tự hào của bản thân Lý Thường Kiệt về chủ quyền của dân tộc mình.

Từ sự khẳng định mạnh mẽ vấn đề chủ quyền của dân tộc Đại Việt, Lý Thường Kiệt đã lớn tiếng khẳng định, cũng là lời cảnh cáo đến kẻ thù, đó chính là cái kết cục đầy bi thảm mà chúng sẽ phải đón nhận nếu biết nhưng vẫn cố tình thực hiện hành động xâm lăng lãnh thổ, gây đau khổ cho nhân dân Đại Việt:

*"Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm*

*Chúng bay sẽ bị đánh cho tơi bời"*

Sự thật hiển nhiên rằng, "Sông núi nước Nam" là do người Nam ở, người Nam làm chủ. Nhưng lũ giặc không hề màng đến sự quy định mang tính tất yếu ấy, chúng cố tình xâm phạm Đại Việt cũng là xúc phạm đến sự tôn nghiêm của đạo lí, của luật trời: "Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm" hành động ngông cuồng, phi nghĩa này của bọn chúng thật đáng bị phê phán, thậm chí đáng để trừng phạt bằng những hình thức thích đáng nhất. Và ở trong bài thơ này, tác giả Lý Thường Kiệt cũng đã đanh thép khẳng định cái kết cục đầy bi đát, ê chề cho lũ cướp nước, coi thường đạo lí: "Chúng bay sẽ bị đánh cho tơi bời". Với tất cả sức mạnh cũng như lòng tự tôn, tính chính nghĩa của dân tộc Đại Việt thì lũ xâm lăng chỉ có một kết cục duy nhất, một kết quả không thể tránh khỏi "bị đánh cho tơi bời".

Bài thơ thần “Nam quốc sơn hà” đã trở thành một biểu tượng tinh thần của sự độc lập và tự chủ của dân tộc Việt Nam. Nó thể hiện tư duy tự chủ, tư duy tự quyết định của dân tộc và khẳng định chủ quyền và độc lập dân tộc. Bài thơ này đã truyền cảm hứng và động viên thế hệ người Việt Nam về tinh thần yêu nước và quyết tâm bảo vệ đất nước.

|  |
| --- |
| **ĐỀ 4: Phân tích bài thơ “Lễ xướng danh khoa thi Đinh dậu” - Trần Tế Xương** |

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả và bài thơ

- Bài thơ đã vẽ lên một cách sống động tình trạng suy đồi của Nho học thời ấy cùng những cảnh chướng tai gai mắt lúc chế độ thực dân nửa phong kiến bước đầu được xác lập ở nước ta qua cảnh trường thi, khoa thi.

**2. Thân bài**

***a. Hai câu đề (Cuộc thi năm Đinh Dậu)***

- Hai câu đề mang tính chất tự sự, kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu:

*Nhà nước ba năm mở một khoa,*

*Trường Nam thi lẫn với trường Hà.*

- Bề ngoài có vẻ thật bình thường, kì thi mở theo đúng thông lệ đã có từ trước (ba năm mở một khoa). Tuy nhiên, tính chất không bình thường bộc lộ rõ ngay từ cách thức tổ chức: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Trước đây, trường Nam (Nam Định) và trường Hà (Hà Nội) đều thi riêng. Đến khoa Đinh Dậu, trường Nam, trường Hà thi chung. Từ “lẫn” – lẫn lộn tùng phèo – đã báo trước sự ô hợp, láo nháo trong thi cử.

***b. Hai câu thực (Bọn sĩ tử, quan trường không còn nho phong, sĩ khí)***

- Hai câu thực và hai câu luận gợi tả cụ thể hơn những nét đặc biệt của khoa thi Đinh Dậu.

- Ngòi bút tác giả hướng đến hai đối tượng chủ yếu nhất trong các kì thi: sĩ tử (người đi thi) và quan trường (quan coi việc thi).

**- Hình ảnh sĩ tử** chẳng hề mang dáng dấp thư sinh. Họ thật luộm thuộm có vẻ bệ rạc: vai đeo lọ.

- Biện pháp đảo ngữ lôi thôi sĩ tử vừa nhấn mạnh sự luộm thuộm, không gọn gàng, vừa gây ấn tượng khái quát về hình ảnh những sĩ tử khoa thi này.

- Họ không có tư thế người đi thi, càng không có tư thế người làm chủ trong kì thi. Hình ảnh sĩ tử trong thơ Tú Xương đã phản ánh sự sa sút về “nho phong sĩ khí”, do sự nhốn nháo, ô hợp của hoàn cảnh xã hội đem lại.

**- Hình ảnh quan trường** xuất hiện với vẻ ra oai, nạt nộ. Cái oai của quan trường là cái oai cố tạo, cái oai “vờ”. Từ "ậm oẹ" biểu đạt âm thanh của tiếng nói to nhưng bị can trong cổ họng nên trầm và nghe không rõ, nói lên cái oai không thực chất của quan trường. Cùng với biện pháp đảo ngữ "ậm oẹ" giọng thét loa của quan trường, có thể thấy được sự huyên náo, lộn xộn của cảnh trường thi này. Quan phải thét vì sĩ tử chẳng ai nghe. Sĩ tử không ai nghe nên quan càng phải cố tỏ cái oai vờ nạt nộ.

***c. Hai câu luận (Bộ mặt của bọn thực dân)***

- Hình ảnh quan sứ và mụ đầm xuất hiện trong sự tiếp đón rất linh đình: Cờ cắm rợp trời. Cách ăn mặc của quan bà có phần diêm dúa, lòe loẹt: "Váy lê quét đất mụ đầm ra". Biện pháp đảo ngữ: *Cờ cắm rợp trời quan sứ đến - Váy lê quét đất mụ đầm ra* cho thấy cờ trước, người sau, thấy váy trước, người sau, càng lộ rõ sự phô trương về hình thức. Quan sứ, bà đầm xuất hiện tuy có sự tiếp đón linh đình nhưng cũng không khác gì một màn trình diễn.

- Nghệ thuật đối của thơ Đường luật được vận dụng một cách triệt để, tạo nên sức mạnh đả kích dữ dội, quyết liệt, sâu cay. Tú Xương đã đem “cờ” che đầu quan sứ đối với “váy” bà đầm. Với cách đối trên, nhà thơ đã hạ nhục bọn thực dân xâm lược.

- Tất cả hình ảnh sĩ tử, quan trường, quan sứ và mụ đầm giữa trường thi đều nói lên sự thiếu tôn nghiêm và có phần lố bịch của khoa thi Đinh Dậu.

***d. Hai câu kết (Nỗi đau xót, tủi nhục của tác giả)***

- Hai câu kết có sự chuyển hướng đột ngột về giọng điệu, cảm xúc. Sáu câu trên có giọng mỉa mai, châm biếm. Đến hai câu kết, giọng điệu chủ yếu là trữ tình:

*Nhân tài đất Bắc nào ai đó*

*Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.*

- Hai câu thơ là lời lay gọi, đánh thức lương tri, lương tâm. Câu hỏi phiếm chỉ Nhân tài đất Bắc nào ai đó vừa để chỉ những sĩ tử trong khoa thi Đinh Dậu – nơi tụ hội của tài trí đất Bắc - vừa mang ý nghĩa khái quát: tất cả những ai tự cho mình là “nhân tài đất Bắc”. Tú Xương nhắc tất cả nhân tài đất Bắc đó, hãy ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà. Trông cảnh nước nhà để nhận ra hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước. Từ "nước nhà" đặt ở cuối bài thơ mang dư âm tha thiết, có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc.

**3. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ *Vịnh khoa thi Hương*

- Nêu những cảm nhận riêng của em.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Trần Tế Xương cay nhất là chuyện thi cử. Tài giỏi như ông mà phải đến lần thi thứ tám mới đậu vét được cái tú tài. Mà Tú tài thời đó thì được tiếng là “ông Tú” nhưng chỉ được “làm quan tại gia”, “ăn lương vợ”. Nhưng không được thênh thênh trên đường hoạn lộ chưa hẳn đã là rủi, thì ông Tú Xương làm thơ, làm thi sĩ, thành thi hào! Bài thơ “Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” là một đòn trời giáng của Tú Xương vào chế độ thi cử mạt vận, hổ lốn, ô nhục của thời thực dân mới đặt chân cai trị đất nước ta:

Là sĩ tử, cũng là nạn nhân trong kì thi Hương năm Đinh Dậu (1897), tại Nam Định, Trần Tế Xương tận mắt chứng kiến sự suy đồi của Nho học, đau lòng trước nỗi ô nhục của tài tử văn nhân đât Bắc. Cho nên mở đầu bài thơ, tác giả đã phê phán sâu sắc nhà nước thực dân phong kiến thời bấy giờ:

*“Nhà nước ba năm mở một khoa*

*Trường Nam thi lẫn với trường Hà”*

Tác giả nói “nhà nước” một cách trang trọng như vậy nếu những việc làm của “nhà nước” mà tô't đẹp thì là ngợi ca, còn nếu nói đến những việc làm của “nhà nước” không ra gì thì là “hạ bệ”. Rõ ràng là Tú Xương đã “hạ bệ” cái “nhà nước” thực dân phong kiến đó bằng sự kiện “ba năm mở một khoa”. Dưới sự cai trị của “nhà nước” thực dân, đạo học (chữ Nho) đã mạt vận. “nhà nước” chỉ mở kì thi cầm chừng, hổ lốn, mất hết vẻ trang nghiêm của kì thi quốc gia: “Trường Nam thi lẫn với trường Hà”. Sợ mất an ninh ở Hà Nội, “nhà nước” thực dân đã lùa sĩ tử Hà Nội xuống Nam Định “thi lẫn” với sĩ tử trường Nam. Chỉ một từ “lẫn”, Tú Xương phơi bày cả sự đổ nát của kì thi quốc gia và phê phán “nhà nước” vô trách nhiệm.

Sang hai câu thực, sĩ tử và quan trường được nhà thơ Tú Xương biếm họa rất tài tình:

*“Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ*

*Ậm ọe quan trường miệng thét loa”*

Tú Xương có biệt tài mà Nguyễn Công Hoan tôn như “thần thơ thánh chữ” là chỉ trong một chữ đã lột tả được thần thái của sự vật. Chỉ một từ “lôi thôi” được đảo ra phía trước, nhấn mạnh là hình ảnh của sĩ tử bị chìm trong sự nhếch nhác. Sĩ tử mà bút mực đâu không thấy, chỉ nổi bật lủng lẳng một cái lọ (vì đường xa, phải đeo theo lọ nước uống). Hàng ngàn “sĩ tử vai đeo lọ” thì lôi thôi thật, là bức tranh biếm họa để đời về anh học trò đi thi trong thời buổi thực dân nhô’ nhăng. Còn quan trường thì “ậm ọe” giọng như mửa. Sĩ tử thì đông vì dồn cả hai trường thi lại nên quan trường phải “thét loa” lại còn lên giọng đe nẹt sĩ tử nên thành ra “ậm ọe” tởm lợm thật đáng ghét. Thái độ trào lộng của nhà thơ thật rõ ràng. Đô'i với “sĩ tử”, Tú Xương thấy nhếch nhác đáng thương; đối với “quan trường”, Tú Xương khinh ghét ra mặt. Quan trường của một kì thi quốc gia bát nháo mà còn “ậm ọe” không biết nhục.

Tú Xương còn ghi lại một hiện tượng chưa từng thấy trong lịch sử thi cử của nước nhà là “khoa thi Đinh Dậu”, có cả Tây đầm nhon nháo ở trường thi:

*“Cờ cắm rợp trời quan sứ đến*

*Váy lê phết đất mụ đầm ra”*

“Cờ cắm” hay “Lọng cắm”? Sách giáo khoa hiện hành chép là “Cờ cắm”, có chú thích là: có bản chép: “Lọng cắm”. Thơ Tú Xương gần với thơ ca dân gian, nhà thơ sáng tác không in ấn, không xuất bản, người đời nghe rồi ghi lại nên dễ “tam sao thất bản”. Trong những trường hợp có dị bản như thế này thì buộc người đọc, người nghiên cứu phải lựa chọn. Người soạn sách giáo khoa chọn “cờ cắm” để đối với “váy lê” ở câu dưới cho thật độc. “Cờ” mà đối vởi “váy” độc quá! Theo tôi, “lọng cắm” hay hơn:

*“Lọng cắm rợp trời quan sứ đến”*

Quan sứ (công sứ Nam Định Lơ Nóocmăng, đèn dự lễ xướng danh khoa thi Hương hẳn là phải có “lọng cắm rợp trời” mà “lọng cắm” thì mới “rợp trời”. Còn vế đối “Lọng cắm rợp trời” với “váy lê phết đất” cũng chỉnh quá, mà độc địa không kém. Lọng là cái che trên đầu “quan sứ” mà lại đôi với “váy” là cái che dưới mông “mụ đầm”! “Quan sứ” đến”, “mụ đầm ra”, chúng nó “đến”, nó “ra” như thế thì nhục quá, không chịu được, Tú Xương đã chơi một đòn trí mạng vào bọn Tây đầm thực dân nhốn nháo vào cái thời buổi nhô' nhăng! Tú Xương ác khẩu trong cách đối chữ đôi câu, cái tôn nghiêm đem đọ với những cái không tiện hô đúng tên thật, ông lợm sự sông, ông cho lộn tùng phèo cả đi. Nghĩ về người quan văn người quan võ thời nhí nhô' ấy, ông đem cái võng (võng điểu võng thắm) ra mà đối với cái khố dây (khố đỏ khố xanh). Tường thuật việc trường thi chữ nho có Tây đến ra bài, ông đem cái lọng quan sứ mà đối với cái váy mụ đầm, đem cái đít vịt bà đầm ra đô'i với cái đầu rồng một ông cử dô't đang lạy tạ mũ áo vua ban... (Nguyễn Tuân).

Kết thúc bài thơ, tác giả chuyển từ giọng điệu trào lộng sang giọng điệu trữ tình thâm trầm. Tú Xương đau lòng nhắn nhủ với “nhân tài đất Bắc”:

*“Nhân tài đất Bắc nào ai đó*

*Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà”*

Giọng trữ tình thấm thìa ấy như có sự cộng hưởng của giọng điệu trữ tình đầy nhiệt huyết của các nhà ái quốc đầu thế kỷ như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... Tất nhiên trong giọng điệu chung của những tâìn lòng ái quô'c ấy, ta vẫn nhận ra sắc thái riêng của Tú Xương. Khi thì xót xa thổn thức “Nhân tài đất Bắc nào ai đó”, khi thì kiêu bạc trịch thượng “Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà”. Không dễ gì mà hạ một chữ “ngoảnh cổ” như vậy đối với giới trí thức Bắc Hà. Phải có chân tài và quan trọng hơn nữa là phải có tấm lòng đô'i với đất nước, với dân tộc thì nhân tài đất Bắc mới tâm phục. Đúng là tâm sự yêu nước thổn thức của Tú Xương là vật bảo chứng cho những gì là lộng ngôn của nhà thơ:

*“Trời không chớp hể chẳng mưa nguồn*

*Đêm nảo đêm nao tớ củng buồn”*

*(Đêm hè)*

Dưới mắt Tú Xương, sự suy đồi của đạo học (chữ nho) là một hiện tượng của sự mất nước, của sự nô lệ. Với Tú Xương, nỗi nhục trong “Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” là nỗi nhục mất nước! “Theo tôi nghĩ, thơ là ảnh, là nhân ảnh, thơ cũng ở loại cụ thế’ hữu hình. Nhưng nó khác với cái cụ thể của văn. Cũng mọc lên từ cái đông tài liệu thực tế, nhưng từ một cái hữu hình nó thức dậy được những vô hình bao la, từ một cái điểm nhất định mà nó mở được ra một cái diện không gian, thời gian trong đó nhịp mãi lên một tấm lòng sứ điệp” (Nguyễn Tuân).

“Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu” của Trần Tế Xương là “sử thi” về đời sống nhà nho lúc Tây sang. Đạo học suy đồi, thi cử bát nháo hố’ lốn, sĩ tử mất hết nhuệ khí, quan trường mất hết nhân cách. Bọn thực dân nghênh ngang đến trường thi là một nỗi ô nhục của nhân tài đất Bắc. Nỗi đau của nhà thơ đã làm thức tỉnh tầng lớp trí thức đương thời.

Nghệ thuật trào lộng và trữ tình của Tú Xương đều sâu sắc, thấm thìa. Đối với sĩ tử, nhà thơ thương mà cười, đối với quan trường, nhà thơ căm ghét mà châm biếm, đối với bọn thực dân, nhà thơ căm thù mà đả kích, hạ nhục. Từ ngữ, hình ảnh, âm điệu, bút pháp của bài thơ bộc lộ tài hoa của một hồn thơ lỗi lạc. Đúng như lời ngợi ca của Yên Đổ:

*“Kia ai chín suối xương không nát*

*Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn”*

Bằng nghệ thuật trào phúng thâm thúy, ngôn ngữ miêu tả sắc cạnh, phép đối tài tình, giọng điệu mỉa mai rồi trữ tình chua xót, bài thơ Vịnh khoa thi Hương đã tái hiện một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu ở nước ta, đồng thời tác giả nói lên tâm sự của mình một cách chua chát trước cảnh tình đất nước.

|  |
| --- |
| **Đề 3: Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng:**  *Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.*  *(Xuân Diệu, Toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr 36)*  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ *Đồng chí* của nhà thơ Chính Hữu hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.** |

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**- Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:** Trình bày đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

**- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:** Những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật của Chính Hữu thể hiện trong bài Đồng chí.

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Dẫn dắt vào nhận định

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến, nhận định:**

**- Giải thích:**

=> Đối với Xuân Diệu, một tác phẩm thơ cần bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, thể hiện những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Có như vậy, thơ mới trở thành một chỉnh thể nghệ thuật giàu giá trị thẩm mĩ.

**- Lí giải: Tại sao *thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống?***

+ T*hực tại, đời sống* là xuất phát điểm ……

+ Thơ ca chỉ có ý nghĩa thẩm mĩ, chỉ chinh phục trái tim người đọc khi thể hiện những vấn đề, những cảm xúc mà con người hằng quan tâm, trăn trở. Nếu thơ ca không bắt nguồn từ hiện thực, xa rời cuộc đời, thoát li thực tại, thơ ca sẽ không thể đến với người đọc, không thể tồn tại trong cuộc đời, khi ấy thơ ca đã tự đánh mất chức năng cao quý *nghệ thuật vị nhân sinh* của mình.

***Tại sao thơ phải phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay?***

+ Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Người nghệ sĩ nhào nặn chất liệu hiện thực bằng đôi tay và cảm quan thẩm mĩ của riêng mình. Do đó, “Thế giới không phải được tạo lập một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ lớn xuất hiện là một lần thế giới được tạo lập”.

+ Vẻ đẹp của thơ ca trước hết thể hiện ở …...

+ Vẻ đẹp của thơ còn được đánh giá ở sự sáng tạo hình thức “càng cá thể, càng độc đáo, càng hay”. Bản chất nghệ thuật là sáng tạo, vì thế thơ ca không chỉ đòi hỏi nhà thơ phải in dấu tâm hồn, thể hiện cảm xúc mà còn phải in dấu cả trí tuệ, thể hiện tài năng trong việc sáng tạo hình thức biểu hiện. ……

Nội dung của ý kiến đã được thể hiện trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.

**b. Phân tích, chứng minh:**

**Luận điểm 1: Bài thơ Đồng chí “xuất phát từ thực tại”:**

- Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác vào đầu năm 1948 - sau chiến dịch Việt Bắc (Thu Đông 1947 ). Trong chiến dịch này, Chính Hữu là chính trị viên đại đội, ông ……

- Đặt bài thơ “Đồng chí” vào tình hình sáng tác thơ ca ……. cảm hứng thơ hướng về chất thực của đời sống kháng chiến, khai thác cái đẹp và chất thơ trong cái bình dị, bình thường, không nhấn mạnh cái phi thường.

**Luận điểm 2: Bài thơ “Đồng chí” không chỉ giản đơn là sự sao chép cuộc sống hay tình cảm con người, mà đi qua tâm hồn, trí tuệ của Chính Hữu nó đã trở tiếng lòng, tâm hồn, là những cảm nhận sâu sắc của ông về cuộc đời người lính trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.**

**\* Cảm nhận sâu sắc về cơ sở của tình đồng chí**

- Sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân: Xuất thân từ những vùng quê nghèo khó, cuộc sống còn nhiều vất vả gian lao: Tình đồng chí của “tôi” và “anh” bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân. Nếu như “anh” đến từ nơi “nước mặn đồng chua” thì “tôi” xuất thân từ vùng quê “nghèo đất cày lên sỏi đá”.

Hai con người đến từ những vùng quê nghèo khó của Tổ quốc “chẳng hẹn quen nhau”. Họ gặp nhau vì cùng chung lí tưởng cách mạng, vì tình yêu với Tổ quốc lớn lao.

- Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu:

+ Điệp từ “súng”- “đầu” hình ảnh sóng đôi mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ và mục đích, lí tưởng chiến đấu của người lính.

=> Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại. Đồng thời làm đặc sắc thêm những giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ Đồng chí.

- Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn: Mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm:

“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.

Từ quen nhau đến thành tri kỉ, từ “chẳng hẹn” đến “súng bên súng, đầu sát bên đầu” rồi đến “đêm rét chung chăn”, những người lính chia sẻ với nhau những gian khó của cuộc chiến để trở thành tri kỉ trong nhau. Đây là điểm sáng mang lại nhiều giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ Đồng chí.

**\* Cảm nhận sâu sắc về những biểu hiện của tình đồng chí.**

- **Sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau:**

+ Các anh là những người lính gác tình riêng, ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với bao băn khoăn, trăn trở.

+ Hai chữ ”mặc kệ” => Thái độ dứt khoát của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, mục đích đã chọn lựa:

“Anh trai làng quyết đi giết giặc lập công”.

+ Hình ảnh ”gian nhà không” vừa gợi cái nghèo, cái xơ xác của những miền quê lam lũ, vừa gợi sự trống trải trong lòng người ở lại.

+ “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” là cách nói tế nhị, giàu sức gợi. Quê hương nhớ người đi lính hay chính những người ra đi luôn nhớ về quê hương. Thủ pháp nhân hóa và hai hình ảnh hoán dụ đã biểu đạt sâu sắc tâm trạng, nỗi niềm của những người lính nơi chiến tuyến. Nhớ về quê hương cũng chính là cách tự vượt lên mình, vượt lên tình riêng vì sự nghiệp chung của đất nước. Tóm tắt những giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ Đồng chí không thể bỏ qua những hình ảnh đắt giá này.

**- Chia sẻ cùng nhau những gian lao, thiếu thốn của cuộc chiến:**

+ Tôi với anh cùng chịu đựng những cơn sốt rét rừng, cùng trải qua những ốm đau bệnh tật. Anh với tôi cùng chia nhau sự thiếu thốn trong cuộc đời quân ngũ:

+ Những chi tiết tả thực, hình ảnh sóng đôi đã góp phần tái hiện chân thực những khó khăn, gian khổ của cuộc đời người lính trong buổi đầu kháng chiến. Các anh đã cùng nhau gánh vác, cùng nhau chịu đựng… Chính tình đồng đội đã giúp họ vượt lên cái “buốt giá” của mùa đông chiến đấu để rồi tỏa sáng nụ cười và càng thương nhau hơn.

+ Hình ảnh “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” có sức gợi nhiều hơn tả với nhịp thơ chảy dài. Đây là cách thể hiện tình cảm chân thành, mộc mạc của người lính. “Tay nắm lấy bàn tay” để truyền cho nhau hơi ấm của tình đồng đội, niềm tin chiến thắng, truyền cho nhau sức mạnh của tình đồng chí. Cái nắm tay ấy còn là lời hứa hẹn lập công.

+ Từ những tình cảm chân thành, mộc mạc, gắn bó và những gian khó, thiếu thốn nơi chiến trường hiểm ác, tác giả đã kết thúc bài thơ bằng một câu thơ mang đậm chất lãng mạn, nghệ thuật:

**\* Qua tâm hồn, trí tuệ của Chính Hữu, tình đồng chí, đồng đội trở thành bức tượng đài bằng thơ bất hủ.**

- Nổi lên trên cảnh rừng đêm hoang vắng, lạnh lẽo là hình ảnh người lính “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”. Đó là hình ảnh cụ thể của tình đồng chí sát cánh bên nhau trong chiến đấu. Họ đã đứng cạnh bên nhau giữa cái giá rét của rừng đêm, giữa cái căng thẳng của những giây phút “chờ giặc tới”. Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp họ vượt lên tất cả….

- Câu kết là một hình ảnh thơ rất đẹp: “Đầu súng trăng treo”. …………

**Luận điểm 3: Dấu ấn rõ nét, độc đáo, sáng tạo vẻ đẹp hình thức nghệ thuật bài thơ.**

-Thể thơ tự do với những câu dài ngắn đan xen đã giúp cho nhà thơ diễn tả hiện thực và bộc lộ cảm xúc một cách linh hoạt.

- Bút pháp hiện thực - bi tráng nhưng không kém phần lãng mạn. Cùng viết về đề tài kháng chiến - người lính nhưng Chính Hữu không khai thác theo bút pháp lãng mạng anh hùng, hào hoa, bi tráng mà ngòi bút của ông nghiêng về hiện thực. Vẻ đẹp của người lính được khắc họa từ chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh: giản dị, chân thực, không tô vẽ, nhấn mạnh, lí tưởng hóa cái phi thường mà ngược lại cái phi thường, cao cả của người lính lại được toát lên từ đời sống thực đó.

- Hình ảnh thơ cô đọng, mộc mạc, giản dị, chân thực song rất lãng mạn ……

- Ngôn ngữ thơ hàm súc, súc tích, có khi dồn nén, giàu sức biểu cảm.

- Sử dụng nhiều từ ngữ đắt giá…

**=>**Những sáng tạo độc đáo của bài thơ tạo nên nét riêng cho phong cách thơ Chính Hữu

**c. Đánh giá, tổng hợp:**

- Ý kiến của Xuân Diệu đã thể hiện … Chính Hữu và Tố Hữu đã làm được điều đó.

- Đối với người sáng tạo: cần có cái nhìn sâu rộng về cuộc đời. Tác phẩm văn học chỉ thực sự

- Đối với người tiếp nhận: sự trân trọng tấm lòng, tài năng của người nghệ sĩ được thể hiện trong tác phẩm, phát huy giá trị tốt đẹp mà tác phẩm để lại; thêm gắn bó cuộc sống, cuộc đời qua những trang văn học.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Khẳng định sức sống bền bỉ của tác phẩm

|  |
| --- |
| **Đề 4:  *"Đọc một câu thơ hay, ta thường có cảm giác đứng trước một bến đò nổi gió, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn".***  **Em hiểu ý kiến trên như tế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ "Đồng chí" của nhà thơ Chính Hữu.** |

**BÀI LÀM**

Hạt cát ngoài biển khơi xa xôi vẫn còn tỏa sáng bởi sự khác biệt. Ánh mặt trời vẫn còn lung linh dưới mặt nước toả bóng. Văn học vẫn còn rực rỡ sắc màu cho đến khi con người còn ý thức được hành động của mình. Có phải thế, mà có nhận định cho rằng :" Đọc một câu thơ hay, ta thường có cảm giác đứng trước một bến đò nổi gió, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn ". Đến với tác phẩm của Chính Hữu, bài thơ " Đồng chí", ta sẽ bắt gặp hình ảnh những người lính có chung chí hướng và những vần thơ bình dị nhưng kiệt tác, sẽ đẩy ta tới bến bờ bên kia của ánh sáng bởi tình đồng chí thân thương!

Văn chương là một thế giới huyền bí mà kỳ ảo và thơ ca cũng không ngoại lệ. Thơ ca là sự tiếp nối của tình cảm, cảm xúc, những tâm tư và rung động mà người nghệ sĩ đã kìm nén trong lòng và nó được bật ra thành tiếng. Thơ hay là thơ có chức năng giáo dục , thẩm mỹ và đánh sâu vào tiềm thức của con người. Văn chương nói chung và thơ ca nói riêng đều có chức năng nâng đỡ, thúc dục . Nói như Lê Đạt : " Đọc một câu thơ hay, ta thường có cảm giác đứng trước một bến đò nổi gió" bởi lẽ thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh hiện thực thể hiện những tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhịp điệu. Một bến đò gió nổi, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn, có nghĩa là tác phẩm văn học đó sẽ mang đến cho con người những cảm xúc, tình cảm tốt đẹp, giúp con người biết khao khát, biết ước mơ, biết đấu tranh để bảo vệ và vươn tới một cuộc sống tươi đẹp hơn, giàu tình yêu thương hơn. Không một ai có thể làm bừng sáng cả một bầu trời nhưng thơ ca thì có thể đánh thức một giấc mơ thiên tài vẫn còn ngủ ở bên trong ta. Như vậy, quan niệm của nhà thơ Lê Đạt đã khẳng định giá trị, thiên chức của thơ nói riêng, văn học nói chung. Với chức năng nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ, đối thoại… thơ ca sẽ bồi đắp cho người đọc những tình cảm tốt đẹp, hướng con người đến thế giới tốt đẹp.

Thơ là sự thổ lộ những tình cảm mãnh liệt, những ước mơ và khao khát mà nhà thơ muốn nói ra. Thơ hay không phải nghiễm nhiên và tự dưng mà nó được tạo ra , nó phải trải qua một quá trình" điên rồ " và sự đấu tranh với tiềm thức để người nghệ sĩ quyết định đưa tác phẩm của mình tới bạn đọc. Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, cả cảm xúc lẫn sự vẹn toàn. Nếu như thơ được sinh ra mà nó không có chức năng giáo dục và thẩm mỹ thì nó đã chết mãi. Thơ là cái chân - thiện - mĩ , nó phải được tạo ra để nâng giấc và nuôi dưỡng những ước mơ trong tim độc giả. Thơ sẽ chết nếu như nó không là sự rung động , không xuất phát từ trái tim của thi sĩ, không bắt nguồn từ cuộc sống và kết thúc từ cuộc sống. Thơ đưa đến cho bạn đọc một cảm giác thúc giục, một cảm hứng đến lạ kỳ. Mục tiêu của thơ là hướng đến cái đẹp, hướng về cuộc sống, hướng về cái thiện. Thơ xuất phát từ con người , vì con người , phục vụ con người và cũng kết thúc từ con người. Mục tiêu và chức năng mà thơ hướng đến là con người là cuộc đời, nó muốn hướng đến những điều tốt đẹp, hướng đến những giá trị cống hiến cho đời. Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng… Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái, nhỏ nhen mà độc hại. Một bài thơ hay trước tiên nó phải hay từ câu từ và vần điệu , nó phải hay từ cốt tuỷ ra từng trang viết. Thơ sẽ không thể sống nếu như nó không thúc đẩy và làm ta rung động . Nói như nhà thơ Tố Hữu:" Bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật là gan ruột của mình." Thơ là kết quả của sự nhập tâm với đời sống. Như vậy, nhà thơ phải biết hướng đến con người, hướng đến cuộc đời, hướng đến cái thiện và anh ta phải có tấm lòng với cuộc đời, biết mở lòng với cuộc sống để đón nhận những tình cảm, những rung động từ hiện thực cuộc sống. Nhà thơ phải biết sống đẹp, biết hướng đến cái thiện, biết truyền tải thông điệp tới bạn đọc và có một trái tim mãnh liệt, phong phú, biết đồng cảm và sẻ chia. Tình cảm và cảm xúc trong thơ cần phải biết truyền tải bởi một thông điệp như một lẽ sống của đời . Nói như Chế Lan Viên : " nhà thơ phải biết nhặt chữ của đời mà góp nên trang ".

Thơ hay là thơ có chức năng điều khiển ý thức của con người, đưa con người tới bến bờ của hạnh phúc. Thơ như một con đò đưa độc giả tới vùng đất của những cánh hoa thơm. Chức năng của thơ cũng như chức năng của văn học là làm cho con người cảm nhận được mọi thứ từ những vần thơ giản đơn. Nhận định trên muốn hướng tới chức năng của thơ, nó phải tạo ra ảo ảnh, tư tưởng và cảm giác hướng thiện cho con người. Thơ ở trên đời thì nhiều vô kể nhưng thơ có thể làm bạn đọc rung động thì lại khá khiêm nhường . Chức năng của thơ là sứ mệnh của thi sĩ để đưa bạn đọc tới một vùng đất mới, tới một bến đò mới. Nhưng thơ không chỉ là những vần điệu , những con chữ khô cằn trên trang giấy mà nó là những hình ảnh, những câu chữ có sức mạnh thúc đẩy và điều khiển hành động của độc giả hướng tới những hành động đẹp, tới một vùng trời sáng loá của ánh mặt trời. Thơ hay là nàng công chúa xinh đẹp của văn học . Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thở con tim. Xưa nay thơ vẫn là cuộc đời, là lương tri, là tiếng gọi con người hãy quay về bản chất thực của mình để vươn lên cái chân, thiện, mỹ, tới tầm cao của khát vọng sống, tới tầm cao của giá trị sống.

Bài thơ " Đồng chí " của nhà thơ chính Hữu bắt nguồn như một con đò nhỏ để đưa bạn đọc qua sông . Bài thơ ra đời vào năm 1948, những năm đầu của thời kỳ kháng chiến chống Pháp với những thiếu thốn, gian khổ trong quân đội. Bài thơ được sáng tác khi ông đang nằm trên giường bệnh sau khi cùng đồng đội chiến thắng trong chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947. Phải chăng những câu thơ ra đời khi mà Chính Hữu nhớ về đồng đội của mình, nhớ về những năm kháng chiến gian khổ nên những vần thơ được bật ra vô cùng xúc động. Với giọng thơ giản dị, mộc mạc mà hàm súc, nhà thơ đã đi vào tâm trí của độc giả một cách dễ dàng và chinh phục được rất nhiều trái tim.

Bài thơ" Đồng chí" được cho là tiêu biểu của hồn thơ Chính Hữu và cũng là tiêu biểu của thơ ca cách mạng Việt Nam thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Bài thơ đã làm sang trọng một hồn thơ chiến sĩ của Chính Hữu. Và được in trong tập " Đầu súng trăng treo". Hoàn cảnh sáng tác bài thơ đã giúp ta hiểu sâu sắc hơn về cuộc sống chiến đấu gian khổ của những người lính, đặc biệt là tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng cao cả.

Tình đồng chí đã hình thành nên cơ sở để làm độc giả muốn sang sông, muốn hướng tới chân trời của bình yên:

*" Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá "*

Với xuất thân bình dị mà nghèo khó, những người lính đã được ghi vào trang viết của Chính Hữu một cách chân thật. Và đó cũng là lý do cho sự thành công của tác phẩm. Khi đọc câu thơ lên, ta đã thấy rõ được sự giản dị của những người nông dân cầm súng mặc áo lính đi chiến đấu với xuất thân nghèo khó.

*" Súng bên súng đầu sát bên đầu*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ "*

Bến đò gió thổi đã đưa con người ta tới bến bờ của tình đồng chí , đồng đội với sự sẻ chia, giúp đỡ nhau trong hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh. Hai tiếng" đồng chí " thân thương đã tạo cho bạn đọc cảm giác yêu thương, trìu mến và xúc cảm dâng trào. Kết thúc khổ thơ bởi hai tiếng “ đồng chí” đã tạo ra điểm nhấn cho bài thơ, nó là sự dung hòa giữa cuộc sống và thơ ca, là sự đan xen giữa hiện thực với trang viết. Chính tình đồng chí, đồng đội thân thiết đã tạo ra sự thành công, đã tạo cho bạn đọc một cảm giác đứng trước một bến đò nổi gió, một khao khát sang sông, một thúc đẩy lên đường hướng đến những vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn.

Biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính đã đưa độc giả tới những vùng đất, chân trời cũng hoa thơm và tìm lại được một khoảng trời của tình đồng đội :

*" Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính "*

Giếng nước gốc đa là hình ảnh hoán dụ cho người lính nhớ về quê hương của mình. Tác giả đã mượn hình ảnh giếng nước quen thuộc của làng để nói lên nỗi nhớ của mình. Nỗi nhớ hai chiều dằng dặc. Bên cạnh nỗi nhớ về làng, về quê hương , tiếp theo đó lại là sự sẻ chia và tình cảm của những người lính dành cho nhau:

*" Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá "*

Giữa sự khắc nghiệt của chiến tranh, "anh" và "tôi " đều nghèo khổ như nhau nhưng ý chí và tình cảm của chúng ta thì không nghèo. Đối diện với những cơn sốt rét rừng hoang, "anh" và "tôi " luôn chia sẻ, nói ra những nỗi lòng thầm kín của nhau, cùng nhau nắm tay chung hơi ấm để vượt qua cái giá lạnh. Tình cảm của anh và tôi sẽ không có gì có thể làm gián đoạn, làm phai mờ . Những người nông dân mặc áo lính như chúng ta, điều mang trong mình một vẻ đẹp của sự dũng cảm, "anh "và" tôi" cũng vậy.

Biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí đã thúc đẩy con người tới những vùng đất mới.

*" Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới"*

Đối diện với sự khắc nghiệt của hoàn cảnh, "anh "và "tôi "của hiện tại đang dũng cảm, mang trong mình một gánh nặng, một sứ mệnh cần được hoàn thành. Sự sống và nền hòa bình của dân tộc đều nằm trong tay chúng ta, chúng ta chỉ có thể cầm tay nhau để vượt qua và dũng cảm đối diện với thực tại, đem lại nền hoà bình - độc lập cho dân tộc. Kết thúc bài thơ là hình ảnh " Đầu súng trăng treo ", như một nhãn tự của bài thơ, đã khép lại và kết thúc nội dung của toàn bài. Đó là hình ảnh của chiến tranh khốc liệt, đó là sự dũng cảm của những người nông dân mặc áo lính , đó là vẻ đẹp chân thật của người lính trong quân đội. Nói đến chiến tranh chắc chắn là nói đến sự tan thương và đau khổ nhưng những người lính không hề rơi nước mắt, họ luôn mỉm cười và có một niềm tin vào ngày mai hòa bình.

Thơ đưa con người tới một bến đò gió thổi đã được truyền tải bằng hình thức nghệ thuật độc đáo. Chính Hữu đã sáng tạo hình ảnh khốc liệt của chiến tranh bằng một thể thơ tự do, một giọng điệu gần gũi, mộc mạc mà hàm súc. Những thành ngữ , những đại từ xưng danh "anh " và " tôi " đã làm cho bài thơ thêm gần gũi với bạn đọc. Chính Hữu đã khắc họa hình ảnh khốc liệt của chiến tranh qua những vần thơ bình dị của mình .

Hình tượng người lính có lẽ là hình ảnh vô cùng quen thuộc và thành công trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Tuy người lính xuất hiện rất nhiều trong thơ ca cách mạng nhưng những vần thơ của Chính Hữu không hề lẫn với các tác phẩm khác , bởi lẽ nó là sự riêng biệt của những người nông dân bình thường cầm súng để chiến đấu. Bài thơ " đồng chí " của nhà thơ chính Hữu đã hoàn toàn thành công và chinh phục được trái tim của bạn đọc bởi sự gần gũi và giản dị. Đồng thời cũng là sự sáng tạo ở hình thức nghệ thuật độc đáo và giản đơn.

Nhận định trên của Lê Đạt hoàn toàn đúng, đọc một câu thơ hay, ta sẽ có cảm giác như mình đang bay trên những tầng mây, được hòa mình vào một vườn hoa thơm, được thúc giục hướng tới những cái đẹp, những chân trời của ánh sáng. Thơ ca từ đối tượng , đề tài đến hình thức đều xuất phát từ tình cảm, xuất phát từ con người và kết thúc từ cuộc đời, nó lấy tình cảm con người là trung tâm và cũng vì con người mà ra. Sự tiếp nhận ở người đọc thơ cần sự tri ân, đồng cảm với tác phẩm, về nhà thơ để có thể chia sẻ những tình cảm đồng điệu. Khi ấy thơ sẽ có sức lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ.

Thơ sẽ mãi mãi là những câu chữ khô cằn trên trang giấy nếu nó không vì con người,vì cuộc đời mà ra. Những vần thơ trong "Sang thu "của Hữu Thỉnh đã đến với bạn đọc bởi sự bình dị của mùi hương ổi chín mùa thu , bởi sự rung chuyển của đất trời. Hay những vần thơ cuối cùng của cuộc đời Thanh Hải trong bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ ", ông có tâm nguyện muốn góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc với những mầm non tương lai của đất nước. Đến với hình ảnh người lính trên con đường Chiến lược Trường Sơn trong tác phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật, ta đã thấy được sự khốc liệt và trần trụi của chiến tranh. Tuy cùng viết về thời kỳ chiến tranh nhưng những vần thơ của Chính Hữu và Phạm Tiến Duật cũng có nhiều điểm khác biệt, tiêu biểu là về hình thức nghệ thuật, về nội dung. Nếu như" Đồng chí" nói về những người lính tay lấm chân bùn cầm súng để bảo vệ nền hòa bình thì " Bài thơ về tiểu đội xe không kính " lại nói về sự trần trụi của mưa bom bão đạn. Thơ ca đã làm cho con người gần người hơn, đã kết nối cảm xúc và tiếp tục bước tiếp trong tâm trí của bạn đọc. Những vần thơ của Chính Hữu đã làm rung động bạn đọc bởi sự thúc đẩy, bởi tình đồng chí thắm thiết. Thơ sẽ tiếp tục sống trong tâm hồn bạn đọc, tiếp tục làm trái tim bạn đọc rung động như những vần thơ chiến sĩ trong bài thơ " Tây Tiến " của nhà thơ Quang Dũng. Thơ sẽ mãi mãi là tiếng gọi của trái tim, là tình cảm con người với những vần thơ trong thi phẩm " Sóng " của nữ thi sĩ Xuân Quỳnh.

Thơ là cội nguồn gọi thức con chữ, là cầu nối tâm hồn đồng điệu của người nghệ sĩ với độc giả. Đến nay đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, thời gian có thể xóa nhoà đi biết bao điều tươi đẹp trên thế giới này, trái tim sinh học của Chính Hữu đã ngừng đập những bồi hồi thổn thức về tình “ Đồng chí”, về hoàn cảnh của những người lính vẫn còn sống mãi trong lòng bạn đọc. Cho dù thời gian đã trôi qua, mọi thứ có thể bị xóa nhoà và đi vào dĩ vẵng nhưng những vần thơ của Chính Hữu vẫn còn sống mãi với bạn đọc, bởi nó đã tạo ra cho ta cảm giác đứng trước một bến đò gió thổi , “một khao khát sang sông và một thúc đẩy lên đường hướng thiện, hướng đến những chân trời mới”.

|  |
| --- |
| **Đề 5: Nghĩ về thơ, thi sĩ Hoàng Cầm từng khẳng định: “*Âm điệu là cỗ xe chuyên chở điệu hồn thi phẩm”.***  **Hãy lắng nghe *âm điệu* ấy trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.** |

**Yêu cầu về kĩ năng:**

  - Biết kết hợp nhiều thao tác lập luận để viết một bài văn nghị luận văn học.

  - Bài viết có bố cục rõ ràng, trình bày chặt chẽ, dùng từ đặt câu đúng, diễn đạt trong sáng, giàu tính biểu cảm và sức thuyết phục.

  - Có kĩ năng cảm thụ về tác phẩm văn học.

**Yêu cầu về kiến thức:**

**1. Mở bài**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến, đề cập tác phẩm sẽ chứng minh.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích**

- Âm điệu: là sự hòa điệu giữa cảm xúc thơ và tiết điệu ngôn ngữ, là dạng thức hết sức vi diệu của điệu hồn trong thơ. Đó là một yếu tố cần thiết và quan trọng trong thơ, được tạo nên bởi sự kết hợp của nhiều yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, thanh điệu, vần điệu, từ ngữ, hình ảnh…

- Điệu hồn: chiều sâu xúc cảm, tinh thần của bài thơ.

- Cỗ xe chuyên chở có nghĩa là phương tiện quan trọng đắc lực, không thể thiếu.

**=>**Hoàng Cầm đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của của âm điệu trong thơ: Đó là phương tiện đắc lực trong việc thể hiện cảm xúc và linh hồn của bài thơ. Hay nói khác đi là cảm xúc hóa thân trong âm điệu thơ.

\* Lí giải

- Đặc trưng của thơ là trữ tình, nghiêng về biểu hiện thế giới chủ quan của con người với trạng thái tình cảm, rung động (thơ là tiếng lòng, là rung cảm mãnh liệt của nhà thơ trước cuộc sống)

- Nội dung cảm xúc trong thơ được thể hiện qua cách tổ chức ngôn từ đặc biệt, hàm súc, giàu nhạc tính, cụ thể các yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, vần điệu, thanh điệu, giọng điệu… Đọc thơ, cảm được âm điệu coi như đã nhập được vào hồn thơ, chạm vào được “cõi thơ” thực sự.

**\* Phân tích âm điệu trong Bài thơ về tiểu dội xe không kính của Phạm Tiến Duật.**

**\* Giới thiệu tác giả, bài thơ**

- Phạm Tiến Duật sinh năm 1941, quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Là nhà thơ Quân đội, trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước.Thơ ông tập trung thể hiện hình ảnh các người lính và cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn."Lửa đèn", "'Trường Sơn Đông - Trường Sơn Tây", "Gửi em - cô thanh niên xung phong", "Bài thơ về Tiểu đội xe không kính", v.v ... là những bài thơ nổi tiếng của nhà thơ chiến sĩ này, có bài đã được phổ nhạc vang lên như một bài ca chiến trận. Thơ ông trẻ trung, hào hùng, hồn nhiên vừa có giọng điệu rất sôi nổi của tuổi trẻ vừa có cả sự ngang tàn tinh nghịch nhưng lại vô cùng sâu sắc in đậm trong nhiều bài thơ qua các tác phẩm: "Vầng trăng - Quầng lửa", "Thơ một chặng đường", "Ở hai đầu núi", v.v ...

- "Bài thơ về Tiểu đội xe không kính" được Phạm Tiến Duật sáng tác vào năm 1969 trên con đường chiến lược Trường Sơn; in trong tập thơ "Vầng trăng - Quầng lửa". Bài thơ ca ngợi những chiến sĩ lái xe trong đoàn vận tải quân sự trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mĩ: dũng cảm, ngoan cường, lạc quan yêu đời ... trong mưa bom bão đạn; quyết chiến đấu hi sinh vì một lí tưởng cao cả là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

**\* Phân tích âm điệu trong bài thơ**

**\* Âm điệu chung của bài thơ là âm điệu sôi nổi trẻ trung nhịp nhàng bon bon như nhịp trông thôi thúc. Âm điệu đó được tạo nên bởi nhiều yếu tố như nhịp điệu, thanh điệu, hệ thống từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ…**

- Nhịp điệu: Ta bắt gặp ở bài thơ  một nhịp điệu vội vã gấp gáp, nhanh mạnh như tốc độ những chuyến xe ngày đêm ra trận, bài thơ được viết theo thể thơ 7 chữ và kết hợp 8 chữ, tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động và linh hoạt trong nghệ thuật biểu hiện. Những yếu tố về ngôn ngữ và giọng điệu bài thơ đã góp phần trong việc khắc họa hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn một cách chân thực và sinh động, giọng điệu sôi nổi. Ngôn ngữ của bài thơ gần gũi với lời nói thường, mang tính khẩu ngữ, tự nhiên, sinh động và khỏe khoắn:

*“Không có kính không phải vì xe không có kính”*

*“Không có kính, ừ thì có bụi”*

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”*

- Giọng điệu: tự nhiên, trẻ trung, có vẻ tinh nghịch pha một chút ngang tàng, rất phù hợp với những đối tượng miêu tả:

*“Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”.*

- Thanh điệu:

+ Bài thơ sử dụng nhiều từ láy: ung dung, đột ngột, chông chênh…. kết hợp cấu trúc câu kiểu: “không có…”; “ừ thì…”, “chưa cần” được lặp đi lặp lại, các từ ngữ “phì phèo”,”cười ha ha”,”mau khô thôi”… làm nổi bật niềm vui, tiếng cười của người lính cất lên một cách tự nhiên giữa gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến đấu. Ở họ, những trở ngại của thiên nhiên và điều kiện chiến đấu không thể làm họ sờn lòng. Ngược lại, nó càng làm cho họ thêm hứng thú, quyết tâm vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Các yếu tố ấy góp phần tạo nên âm điệu đều đặn, bám đuổi; gợi ra âm hưởng dồn dập, nhanh gấp vội vã hào hùng, hào sảng, khí thế như thôi thúc trái tim các chàng lính trẻ, thôi thúc trái tim sực sôi yêu nước sục sôi căm thù giặc. Điệp ngữ “lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm” tạo âm hưởng thanh thản, nhẹ nhàng, thể hiện niềm lạc quan, tin tưởng của người lính về sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Câu thơ trong vắt như tâm hồn người chiến sĩ, như khát vọng, tình yêu họ gửi lại cho cuộc đời. Lời thơ nhấn mạnh tư thế ung dung, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm của người lính lái xe. Cuộc sống chiến đấu của người lính tràn đầy niềm vui ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, hiểm nguy.

**\* Âm điệu của bài thơ chính là cỗ xe chuyên chở điệu hồn thi phẩm**

- Âm điệu hào hùng, hào sảng, khí thế của bài thơ chính là biểu hiện của lòng người trong cuộc chiến cam go ác liệt; là sự cảm thông sâu sắc giữa hồn người với nhau; là sự đồng điệu giữa hồn thi nhân với hồn vạn vật.

- Tạo nên sự hấp dẫn cho bài thơ về mặt nghệ thuật, đặc biệt là âm vang của lời thơ.

- Dẫn dắt, hòa điệu tâm hồn người đọc vào thế giới cảm xúc lắng sâu cùng điệu hồn thi phẩm.

=> Đây là nét riêng, nét độc đáo của bài thơ góp phần làm nên phong cách thơ Phạm Tiến Duật, thể hiện khí thế của thời đại, tình yêu quê hương đất nước nồng nàn của nhà thơ.

**c. Đánh giá, mở rộng**

- Ý kiến của thi sĩ Hoàng Cầm giúp ta nhận thức sâu sắc vai trò của âm điệu trong thơ. Chỉ khi bài thơ là kết quả của sự rung động mãnh liệt và sự sáng tạo độc đáo trong cách tổ chức ngôn từ thì âm điệu thơ mới trở nên ngân vang. Như thế, âm điệu đã trở thành tín hiệu thẩm mĩ quan trọng của bài thơ.

- Ý kiến ấy không chỉ có ý nghĩa với người sáng tác mà còn là sự định hướng, gợi mở cho người tiếp nhận, đọc thơ, cần “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”, cần nắm bắt âm điệu thơ để đến được điệu hồn thi phẩm.

- Từ phương diện âm điệu, có thể thấy được thực tài, thực tâm của người nghệ sĩ, đó cũng là một yêu cầu để thi phẩm có sức sống lâu bền trong lòng người đọc.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại sự thành công của tác phẩm và tài nang nghệ thuật của nhà thơ.

- Liên hệ, rút ra bài học.

|  |
| --- |
| **Đề 6:Bàn về thơ có ý kiến: “*Bài thơ hay là bữa tiệc ngôn từ”.* Trong khi đó lại có ý kiến cho rằng: “*Gốc của thơ là tình cảm”.***  **Hãy bình luận và làm sáng tỏ những nhận định trên qua bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”** |

**Yêu cầu về kĩ năng**

- Biết cách làm bài nghị luận văn học; bố cục và cách trình bày hợp lí.

- Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt; dẫn chứng phù hợp.

- Diễn đạt suôn sẻ; mắc ít lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

**Yêu cầu về nội dung:**

(Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách nhưng cần hướng tới nội dung cơ bản sau):

**1. Mở bài.**

**-** Giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích**

- Thơ hay là bữa tiệc ngôn từ: ý nói cái hay của bài thơ trước hết là nhờ cái hay của ngôn từ (sống động, phong phú…), giống như sự hấp dẫn của những ”món ăn” ngon bằng ngôn từ.

- Gốc của thơ là tình cảm: nhấn mạnh tư tưởng tình cảm là then chốt quyết định giá trị của một bài thơ.

=>Hai ý kiến là hai cách định nghĩa về thơ có sự nối tiếp những quan niệm trước đó. Một bên khẳng định sức mạnh của thơ là ở ngôn từ, một bên khẳng định sức mạnh của thơ nằm ở tư tưởng, tình cảm chứ không phải ở ngôn từ.

**\* Lý giải, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề**

**- Nói thơ hay là bữa tiệc ngôn từ bởi vì:** một bài thơ ngôn ngữ trúc trắc, sáo rỗng, tầm thường thì không thể gọi là thơ hay. Ngược lại, bài thơ hay là khi nó bày ra trước độc giả một “bữa tiệc ngôn từ”, với những ngôn từ được nhà thơ công phu lựa chọn, tổ chức, biến nó từ lời bình thường trở thành nghệ thuật {vừa thể hiện tâm hồn thi nhân; vừa chính xác hàm súc; vừa có dấu ấn riêng của tác giả..}.

**- Gốc của thơ là tình cảm bởi vì:** thơ là chuyện của tâm hồn, của lòng người cho nên việc thể hiện tất cả mọi vui buồn trong cuộc đời là một nhu cầu bức thiết của thơ. Hơn nữa tình cảm ấy thường tiêu biểu, điển hình, khơi dậy trong trái tim người đọc những rung động sâu xa, những cảm xúc thẩm mĩ tuyệt vời.

=>Mỗi ý kiến đều xác đáng nhưng chưa toàn diện, chưa khái quát được đặc trưng thơ ca vì:

+ Nếu người nghệ sĩ chỉ chú ý rèn câu đúc chữ mà không chú ý đến nội dung tư tưởng của tác phẩm thì sáng tác thơ ca chỉ là những kỹ xảo vờn vẽ, là lối thơ chuộng hình thức. Thơ ca chỉ neo đậu vững chắc trong bạn đọc khi nó có nội dung tư tưởng sâu sắc, hình thức thể hiện độc đáo.

+ Gốc của thơ là tình cảm, sức sống của thơ là tư tưởng, nhưng các nhà thơ từ xưa đến nay nếu không muốn lặp lại người khác và lặp lại chính mình thì quá trình sáng tác đòi hỏi người nghệ sĩ phải tìm đến “bữa tiệc ngôn từ”.

=>Tóm lại một tác phẩm hay,có giá trị phải đầy đủ hai yếu tố:bữa tiệc ngôn từ và gốc của thơ ca là tình cảm. *Bài thơ* về *Tiểu đội xe không kính* của PTD hội tụ cả hai yếu tố đó.

**b. Phân tích, chứng minh.**

**Luận điểm 1. “*Bài thơ* về Tiểu đội xe không kính” là bữa tiệc ngôn từ.**

**- Nhan đề bài thơ khá dài,thu hút người đọc ở vẻ mới lạ, độc đáo.**

+ Bài thơ có cách đặt đầu đề hơi lạ. Bởi rõ ràng đây là một bài thơ, vậy mà tác giả lại ghi là “bài thơ” - cách ghi như thế có vẻ hơi thừa. Lẽ thứ hai là hình ảnh tiểu đội xe không kính. Xe không kính tức là xe hỏng, không hoàn hảo, là những chiếc xe không đẹp, vậy thì có gì là thơ. Vì đã nói đến thơ, tức là nói đến một cái gì đó đẹp đẽ, lãng mạn, bay bổng. Vậy, đây rõ ràng là một dụng ý nghệ thuật của Phạm Tiến Duật. Dường như, tác giả đã tìm thấy, phát hiện, khẳng định cái chất thơ, cái đẹp nằm ngay trong hiện thực đời sống bình thường nhất, thậm chí trần trụi, khốc liệt nhất, ngay cả trong sự tàn phá dữ dội, ác liệt của chiến tranh.

+ Tiếp đến là hình ảnh độc đáo, gây ấn tượng mạnh là những chiếc xe không kính. Từ bài thơ có vẻ như hơi thừa, nhưng thực ra từ đó lại nằm trong chủ định của tác giả và tạo nên sự liên kết giữa hai sự vật có vẻ xa lạ nhau: “bài thơ” và “xe không kính”. Xe không kính thì chẳng có gì làm nên thơ cả, vậy mà nó đã trở thành hình ảnh trung tâm của một bài thơ. Tác giả đã tìm ra chất thơ ở những điều tưởng chừng rất khô khan, trần trụi. Đó chính là chất thơ từ hiện thực gian khổ, ác liệt ở nơi chiến trường.

- Xây dựng hệ thống ngôn ngữ tự nhiên, giọng điệu sôi nổi, chất liệu thơ chân thực, gần gũi, mang đậm tính khẩu ngữ, tự nhiên gợi cảm.

+ Thành công đầu tiên của Phạm Tiến Duật trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính là đã xây dựng được một hệ thống ngôn ngữ tự nhiên, giọng điệu sôi nổi, chất liệu thơ chân thực, gần gũi, gợi cảm. Ngôn ngữ của bài thơ gần gũi với lời nói thường, mang tính khẩu ngữ, tự nhiên, sinh động và khỏe khoắn:

. *“Không có kính không phải vì xe không có kính”*

*. “Không có kính, ừ thì có bụi”*

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”*

+ Giọng điệu tự nhiên, trẻ trung, có vẻ tinh nghịch pha một chút ngang tàng, rất phù hợp với những đối tượng miêu tả:

*“Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”.*

=>Ngôn ngữ và giọng điệu ấy rất phù hợp với việc khắc họa hình ảnh những chiến sĩ lái xe trẻ trung hiên ngang, bất chấp nguy hiểm, khó khăn. Đó là những người lính tươi trẻ, yêu cuộc đời, yêu đất nước, tinh thần tràn đầy niềm tin tưởng, quyết chiến đấu, hi sinh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

+ **Lời thơ tự nhiên** đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Phạm Tiến Duật đã không hề cầu kì hay thi vị hóa đơn điệu hình ảnh những chiếc xe không kính và hình tượng người lính lái xe. Bởi với ông, cuộc đời ấy đã quá đẹp, rất thơ, rất mạnh mẽ, không cần tô vẽ gì mà vẫn tỏa sáng.

+ **Tác giả còn kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ và 8 chữ**, tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động. và linh hoạt trong nghệ thuật biểu hiện. Những yếu tố về ngôn ngữ và giọng điệu bài thơ đã góp phần trong việc khắc họa hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn một cách chân thực và sinh động.

+ **Điệp ngữ “lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm**” tạo âm hưởng thanh thản, nhẹ nhàng, thể hiện niềm lạc quan, tin tưởng của người lính về sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Câu thơ trong vắt như tâm hồn người chiến sĩ, như khát vọng, tình yêu họ gửi lại cho cuộc đời.

Cuộc sống chiến đấu của người lính tràn đầy niềm vui ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, hiểm nguy.

**Luận điểm2. Gốc của thơ là tình cảm trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” còn thể hiện ở sự ngợi ca ngợi những vẻ đẹp tâm hồn người lính.**

**- Tư thế ung dung, hiên ngang, bình tĩnh, tự tin:**

+ Những câu thơ tả thực, chính xác đến từng chi tiết. Không có kính chắn gió, bảo hiểm, xe lại chạy nhanh nên người lái phải đối mặt với bao khó khăn nguy hiểm: nào là “gió vào xoa mắt đắng”, nào là “con đường chạy thẳng vào tim”, rồi “sao trời”, rồi “cánh chim” đột ngột, bất ngờ như sa, như ùa- rơi rụng, va đập, quăng ném.... vào buồng lái, vào mặt mũi, thân mình. Dường như chính nhà thơ cũng đang cầm lái, hay ngồi trong buồng lái của những chiếc xe không kính nên câu chữ mới sinh động và cụ thể, đầy ấn tượng, gợi cảm giác chân thực đến thế.

+ Cảm giác, ấn tượng căng thẳng, đầy thử thách. Song người chiến sĩ không run sợ, hoảng hốt, trái lại tư thế các anh vấn hiên ngang, tinh thần các anh vẫn vững vàng.... “ung dung.... nhìn thẳng. Hai câu thơ “ung dung.... thẳng” đã nhấn mạnh tư thế ngồi lái tuyệt đẹp của người chiến sĩ trên những chiếc xe không kính. Đảo ngữ “ung dung” với điệp từ “nhìn” cho ta thấy cái tư thế ung dung, thong thả, khoan thai, bình tĩnh, tự tin của người làm chủ, chiến thắng hoàn cảnh. Bầu không khí căng thẳng với “Bom giật, bom rung”, vậy mà họ vẫn nhìn thẳng, cái nhìn hướng về phía trước của một con người luôn coi thường hiểm nguy.

**-Thái độ bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ, tinh thần lạc quan hồn nhiên, yêu đời của người lính trẻ.**

+ Nếu như hai khổ trên là những cảm giác về những khó khăn thử thách dù sao cũng vẫn mơ hồ thì đến đây, thử thách, khó khăn ập tới cụ thể, trực tiếp. Đó là “bụi phun tóc trắng” và “mưa tuôn xối xả” (gió, bụi, mưa tượng trưng cho gian khổ thử thách ở đời). Trên con đường chi viện cho miền Nam ruột thịt, những người lính đã nếm trải đủ mùi gian khổ.

+ Trước thử thách mới, người chiến sĩ vẫn không nao núng. Các anh càng bình tĩnh, dũng cảm hơn. “mưa tuôn, mưa xối xả”, thời tiết khắc nghiệt, dữ đội nhưng đối với họ tất cả chỉ “chuyện nhỏ”, chẳng đáng bận tâm, chúng lại như đem lại niềm vui cho người lính.Chấp nhận thực tế, câu thơ vẫn vút lên tràn đầy niềm lạc quan sôi nổi: “không có kính ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo”. Những tiếng “ừ thì” vang lên như một thách thức, một chấp nhận khó khăn đầy chủ động, một thái độ cứng cỏi. Dường như gian khổ hiểm nguy của chiến tranh chưa làm mảy may ảnh hưởng đến tinh thần của họ, trái lại họ xem đây là một dịp để thử sức mình như người xưa xem hoạn nạn khó khăn để chứng tỏ chí làm trai.

 + Sau thái độ ấy là những tiếng cười đùa, những lời hứa hẹn, quyết tâm vượt gian khổ hiểm nguy: “Chưa cần rửa.... khô mau thôi”. Cấu trúc câu thơ vẫn cân đối, nhịp nhàng theo nhịp rung cân đối của những bánh xe lăn. Câu thơ cuối 7 tiếng cuối đoạn có đến 6 thanh bằng “mưa ngừng gió lùa khô mau thôi” gợi cảm giác nhẹ nhõm, ung dung rất lạc quan, rất thanh thản. Có lẽ với những năm tháng sống trên tuyến đường Trường Sơn, là một người lính thực thụ đã giúp Phạm tiến Duật đưa hiện thực đời sống vào thơ ca – một hiện thực bộn bề, một hiện thực thô tháp, trần trụi, không hề trau chuốt, giọt rũa. Đấy phải chăng chính là nét độc đáo trong thơ Phạm Tiến Duật. Và những câu thơ gần gũi với lời nói hàng ngày ấy càng làm nổi bật lên tính cách ngang tàng của những anh lính trẻ hồn nhiên, yêu đời, trẻ trung. Đó cũng là một nét rất ấn tượng của người lính lái xe Trường Sơn. Cái cười sảng khoái vô tư, khác với cái cười buốt giá trong bài thơ “Đồng chí”, nụ cười hồn nhiên ấy rất hiếm khi gặp trong thơ ca chống Pháp, nụ cười ngạo nghễ của những con người luôn luôn chiến thắng và tràn đầy niềm tin.

**\* Tình đồng chí, đồng đội thắm thiết.**

+ Sau mỗi trận mưa bom bão đạn cùng với những chiếc xe bị tàn phá nặng nề hơn, họ lại gặp nhau trong những phút dừng chân ngắn ngủi tạo thành một “tiểu đội xe không kính” – tiểu đội những chàng trai lái xe quả cảm, hiên ngang mà hồn nhiên tinh nghịch. Hình tượng người chiến sĩ lái xe thêm một nét đẹp nữa về tâm hồn và tình cảm. Đấy là tình cảm gắn bó, chia sẻ ngọt bùi của những chàng trai vui vẻ, sôi nổi, yêu đời. Cái bắt tay độc đáo là biểu hiện đẹp đẽ ấm lòng của tình đồng chí, đồng đội đầy mộc mạc nhưng thấm thía : “bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”, cái bắt tay thay cho lời nói. Chỉ có những người lính, những chiếc xe thời chống Mĩ mới có thể có những cái bắt tay ấy, một chi tiết nhỏ nhưng mang dấu ấn của cả một thời đại hào hùng.

**- Lòng yêu nước, nhiệt huyết của tuổi trẻ quyết tâm giải phóng miền nam…**

+ Hai câu đầu là hình ảnh những chiếc xe không còn nguyên vẹn về phương tiện kĩ thuật, dồn dập những mất mát, khó khăn do quân địch gieo xuống, do đường trường gây ra: những chiếc xe bị hư hỏng nhiều hơn “không kính, không mui, không đèn, thùng xe có xước...” và biết bao chiến sĩ đã dũng cảm hi sinh. Ấy vậy mà những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích đó lại như những chiến sĩ kiên cường vượt lên trên bom đạn, hăm hở lao ra tiền tuyến với một tình cảm thiêng liêng:

“Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước. Chỉ cần trong xe có một trái tim”

- Vậy là đoàn xe đã chiến thắng, vượt lên bom đạn, hăm hở tiến ra phía trước, hướng ra tiền tuyến lớn với một tình cảm thiêng liêng “vì Miền Nam”, vì cuộc chiến đấu giành độc lập thống nhất đất nước đang vẫy gọi. Thì ra cội nguồn sức mạnh của cả đoàn xe, gốc rễ, phẩm chất anh hùng của người cầm lái tích tụ, đọng kết lại ở cái “trái tim” gan góc, kiên cường, giàu bản lĩnh và chan chứa tình yêu thương này. Nhà văn đã tô đậm những cái “không” để làm nổi bật cái “có” để làm nổi bật chân lí của thời đại: bom đạn, chiến tranh có thể làm méo mó những chiếc xe, huỷ hoại những giá trị vật chất nhưng không thể bẻ gẫy được những giá trị tinh thần cao đẹp….để rồi một nước nhỏ như Việt Nam đã chiến thắng một cường quốc lớn.

**c. Đánh giá chung:**

- Mỗi ý kiến trên đều xác đáng nhưng chưa toàn diện,chưa khái quát hết được đặc trưng thơ ca của một tác phẩm tuy nhiên bài thơ về tiểu đội xe không kính đã đáp ứng được hai yếu tố trên.

- Bài học đối với người cầm bút:nhà thơ là nhà thư kí trung thành của trái tim, thời đại nên không ngừng trải nghiệm, lắng nghe, rung cảm để tạo nên gốc tình cảm của thơ ca, không ngừng học hỏi để trau dồi ngôn từ.

- Bài học đối với người tiếp nhận:hiểu hơn về hoàn cảnh của cuộc kháng chiến, vẻ đẹp của người lính, niềm tự hào……

**3.** **Kết bài**

- Khẳng định, đánh giá lại ý kiến

- Liên hệ mở rộng.

**Đề 13: Có ý kiến cho rằng: *“Hình tượng văn học không chỉ là một thế giới sống mà là một thế giới biết nói”.* Bằng hiểu biết về bức tranh thiên nhiên và con người lao động trong truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. Từ đó nêu lên suy nghĩ về yếu tố làm nên sức sống của hình tượng văn học.**

**1. Mở bài:**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến, giới hạn tác phẩm sẽ chứng minh.

**2. Thân bài**

**a. Giải thích ý kiến:**

**- Hình tượng văn học là một thế giới sống:**

+ Hình tượng nghệ thuật được người nghệ sĩ sáng tạo nên từ thế giới hiện thực khách quan một cách sống động, cụ thể.

+ Hình tượng nghệ thuật tái hiện đời sống nhưng không sao chép y nguyên mà có chọn lọc, sáng tạo thông qua lăng kính của nhà văn, nhà thơ.

**- Hình tượng văn học là thế giới biết nói:**

+ Người nghệ sĩ sáng tạo hình tượng văn học trong tác phẩm là để nhận thức và cắt nghĩa đời sống, thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình, gửi gắm một lời nhắn nhủ…về con người, về cuộc sống.

=> Thông qua hình tượng văn học, người đọc phải suy nghĩ, nhận thức về cuộc sống con người  để lựa chọn cho mình lối sống đúng đắn. Có khi người đọc còn thấy tìm thấy sự đồng điệu với tác giả.

**\* Phân tích, chứng minh qua tác phẩm “ Lặng lẽ Sa Pa”:**

**Khái quát tác giả, tác phẩm.**

- Nguyễn Thành Long (1925 - 1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và kí. Truyện của ông thường có khuynh hướng ca ngợi tình yêu Tổ quốc, nhân dân. Lặng lẽ Sa Pa được viết vào mùa hè 1970 trong chuyến đi Lào Cai, in trong tập Giữa trong xanh (1971). Với chất thơ nhẹ nhàng, trầm lắng, thiết tha, Lặng lẽ Sa Pa ca ngợi những con người sống giữa non xanh lặng lẽ nhưng vô cùng sôi nổi, hết lòng vì Tổ quốc thân yêu.

**Luận điểm 1: Thế giới biết nói trước hết là bức tranh thiên nhiên Sapa thơ mộng xinh đẹp.**

- Phong cảnh Sa Pa: núi cao với thác đổ trắng xóa, đường núi uốn lượn quanh co, cây cối rậm rạp cứ chen nhau hiện lên.

- Đầu tiên là ông họa sĩ: “cảnh trước mặt hiện lên một cách kì lạ…luồn cả vào gầm xe”=> cảnh vật nhân hóa sống động, thể hiện đường nét, màu sắc, hình khối…đậm chất hội họa. Tất cả đều đem đến cho nhân vật một cảm giác mới lạ, thơ mộng về vùng đất, về những khao khát, háo hức khi đến vùng đất mới.

- Bức tranh thiên nhiên thu nhỏ của anh thanh niên => Vườn hoa đầy màu sắc chính là tâm hồn và cuộc sống trong thầm lặng con người ở đây, luôn đầy sức sống và mộng mơ của tuổi trẻ.

- Sa Pa còn có cả nắng  “Nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây…rực rỡ theo” => Vẻ đẹp của thiên nhiên làm nền cho vẻ đẹp của người.

**Luận điểm 2: Thế giới biết nói đáng yêu, đáng trân trọng nữa là những người lao động thầm lặng.**

- Anh thanh niên:

+ Vẻ đẹp của anh thể hiện trong hoàn cảnh sống và làm việc: anh là người cô độc nhất thế gian, công việc của anh là đo gió, đo nắng, tính mây. Công việc gian khổ nhưng anh yêu nó, làm việc hết mình và chính xác. Có lần anh phát hiện đám mây khô nên không quân ta đã tiêu diệt được nhiều phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng

+ Vẻ đẹp trong nếp sống, trong cách ứng xử: Anh thanh niên là người có nề nếp, nhân cách. Ngôi nhà anh rất ngăn nắp, gọn gàng. Anh biết làm cho cuộc sống trở nên vui vẻ, thơ mộng, ý nghĩa: trồng hoa, nuôi gà…

- Ở tác giả đã cho người đọc thấy anh thanh niên – bức chân dung với vẻ đẹp tinh thần, tình cảm, lối sống, suy nghĩ, công việc của anh.

- Ông kĩ sư vườn rau: Ngày ngày ngồi trong vườn chăm chú xem xét cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào để rồi tự ông làm thay cho ong.

- Đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan chỉ ngồi chờ sét đến nỗi không dám đi đâu. Mười một năm không một ngày rời cơ quan.

=> Tất cả mọi người đều yêu thích, ham mê và có trách nhiệm với công việc của mình.

**Luận điểm 3: Yêu tố làm nên thế giới biết nói ấy không thể không kể đến những bút pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.**

- Cốt truyện đơn giản, xoay quanh một tình huống đó là có cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ và một anh thanh niên làmcông tác khí tượng. Cuộc gặp gỡ chỉ diễn ra trong chốc lát nhưng đã để lại một ấn tượng gợi nhiều suy nghĩ và dẫn chúng ta tới những nhân vật mới: kĩ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét.

- Xây dựng nhân vật chân dung, nhân vật được ghi lại được đánh giá qua những cảm nhận trực tiếp nhưng không hề nhạt nhòa bởi được khắc họa qua nhiều điểm nhìn và miêu tả tinh tế.

- Chất thơ của “Lặng lẽ Sa Pa” cũng phụ trợ đắc lực cho bài ca, ca ngợi con người bình dị mà cao quý: trong tình huống trữ tình, trong bức tranh thiên nhiên, trong lời đối thoại, nhưng quan trọng nhất đó là những ý nghĩ, cảm xúc của người trong cuộc và vẻ đẹp rất đỗi nên thơ, nên hoa, nên nhạc của lối sống mà nhân vật chính gợi ra.

**\* Đánh giá, mở rộng:**

- Hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học là sự kết tinh của hai yếu tố cảm xúc và tư tưởng. Nó chứa đựng thái độ sống, quan niệm, triết lý, những vấn đề cần được giãi bày.

- Hình tượng văn học sống được trong tác phẩm là do tác giả đã thổi hồn và lấy từ thực tế.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận, đánh giá sự thành công của tác phẩm.

- Suy nghĩ, cảm nhận, bài học.

**Đề 17:**

**Đề 21: “*Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp*”. (Pautopxki)**

**Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy viết về xứ sở cái đẹp mà Lê Minh Khuê mang đến cho bạn đọc qua truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”.**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về sứ mệnh cao cả của nhà văn chân chính.

- Trích dẫn ý kiến của K. Pautopxki và giới hạn phạm vi dẫn chứng: Tác phẩm Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê.

**2. Thân bài:**

**a. Giải thích:**

- Nhà văn chân chính: Nhà văn có thái độ nghiêm túc trong lao động và sáng tạo nghệ thuật; có lương tâm, có trách nhiệm với nghề; tạo ra tác phẩm văn chương có giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc.

- Người dẫn đường: Là người định hướng tư tưởng, cảm xúc cho bạn đọc.  
- Xứ sở cái đẹp: Là vẻ đẹp của một tác phẩm văn học được thể hiện ở hai phương diện nội dung và hình thức.

+ Vẻ đẹp nội dung là vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm. Đó là vẻ đẹp trong tự nhiên, trong con người, trong lao động, chiến đấu… mà nhà văn mang tới cho người đọc.

+ Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn, là khả năng kết cấu chặt chẽ, xây dựng tình huống hợp lí, khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện...

=> Ý kiến nhấn mạnh vai trò của nhà văn trong việc dẫn dắt, định hướng và bồi đắp tư tưởng, cảm xúc thẩm mĩ cho bạn đọc khi tiếp cận một tác phẩm văn chương.

**b. Phân tích:**

- Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp.

- Thiên chức cao cả của nhà văn là thông qua tác phẩm của mình để hướng con người tới các giá trị chân - thiện - mĩ. Nhà văn bằng năng lực của mình đã đưa cái đẹp vào tác phẩm một cách nghệ thuật, giúp người đọc vừa cảm nhận được cái đẹp cuộc đời, vừa cảm nhận được cái đẹp của chính tác phẩm.

- Giá trị thẩm mĩ là một trong ba giá trị cơ bản của văn học, là khả năng văn học có thể đem đến cho con người những rung động trước cái đẹp.

**\* Phân tích Xứ sở cái đẹp trong “Những ngôi sao xa xôi”:**

**+ Vài nét về tác giả và tác phẩm:**

- Tác giả: Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của bà viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Là nhà văn từng có những năm tháng gắn bó với những con đường mưa bom bão đạm, từng chứng kiến, trải qua những gian khổ. Bởi vậy, bà có những tác phẩm viết về cuộc sống và con người nơi đây thật chân thực và xúc động.

- Tác phẩm: Là tác phẩm đầu tay sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc diễn ra hết sức ác liệt…

Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái thanh niên Phương Định, Thao, Nho trong kháng chiến chống Mĩ ác liệt. Qua tác phẩm, nhà văn dẫn người đọc đến với ‘‘xứ sở của cái đẹp”. Tác phẩm là minh chứng cho nhận định của Pautopxki.

**+ Chứng minh: Xứ sở cái đẹp mà Lê Minh Khuê mang đến cho bạn đọc qua truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”.**

**Luận điểm 1:** “Xứ sở cái đẹp” trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi được thể hiện ở **phương diện nội dung: Đó là vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mĩ qua hình ảnh ba nữ trinh sát mặt đường.**

**\* Hoàn cảnh sống và chiến đấu:**

+ Sống và làm việc dưới chân một cao điểm, trên tuyến đường trọng điểm của Trường Sơn, giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt của kẻ thù : Đường bị đánh lở loét, hai bên đường không có lá xanh, những thân cây bị tước khô cháy ; đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay ầm ì...

- Liệt kê, tả thực tái hiện hiện thực khốc liệt, tính chất ác liệt của cuộc chiến, đó là sự dã man, tàn bạo của kẻ thù; tàn phá thiên nhiên nặng nề, hủy diệt cả sự sống.

+ Công việc vô cùng hiểm nguy: Đo khối lượng đất đá, đếm bom chưa nổ, nếu cần thì phá bom. Phá bom một ngày năm lần, ít thì ba lần. Trong lúc đơn vị thường ra đường vào lúc mặt trời lặn và làm việc có khi suốt đêm thì các cô, tổ trinh sát mặt đường, phải chạy trên cao điểm cả ban ngày, dưới cái nóng trên ba mươi độ, thần chết rình rập xung quanh.

+ Phải đối diện với thần chết từng phút, từng giờ: thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhip điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Face book Nhung Tây 0974862058

=> Nhiệm vụ công việc của họ rất quan trọng và đầy gian khổ, ác liệt, luôn luôn phải đối mặt với hiểm nguy và cái chết, đó cũng là hiện thực khốc liệt của cuộc chiến **tranh trên tuyến đường Trường Sơn những năm đánh Mỹ.**

**Luận điểm 2. Vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong:**

**\* Vẻ đẹp chung:**

**- Họ có lí tưởng sống cao đẹp:**

+ Rời ghế nhà trường phổ thông, gác lại bao ước mơ, hoài bão của mình, ba nữ thanh niên xung phong ra mặt trận, cùng nhiều thanh niên xung phong khác:

*“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai”*

để giành độc lập, tự do của Tổ quốc.

+ Họ thuộc tổ Trinh sát mặt đường ở trên cao điểm - cái tên gợi bao khát khao cống hiến.

=> Lí tưởng sống của họ cũng là của cả thế hệ trẻ thời đại ấy, sẵn sàng tình nguyện đến những nơi khó khăn ác liệt nhất, nhiều thử thách nhất, sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc: “Đâu cần thanh niên có/ Đâu khó có thanh niên”. Họ có lòng yêu nước cháy bỏng, nhiệt huyết sôi sục.

**- Họ là là những cô gái kiên cường, dũng cảm và có tinh thần trách nhiệm với công việc:**

+ Sẵn sàng nhận nhiệm vụ, không hề e ngại, run sợ, chùn bước trước hiểm nguy: Phương Định sẵn sàng nhận nhiệm vụ phá bom dù trước đó bị thương và vết thương chưa lành miệng. Một ngày chúng tôi phá bom ba- năm lần. Quen rồi. Tôi, một quả......dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ…

- Những câu văn ngắn, dạng câu đặc biệt là những thông báo giản dị, thản nhiên. Các cô đi làm nhiệm vụ đặc biệt hiểm nguy, đi vào chỗ chết, chia nhau cái chết mà bình tĩnh đến lạ thường. Face book Nhung Tây 0974862058

- Bình tĩnh, dũng cảm trong công việc: Đến gần quả bom, không đi khom, đào đất dưới vỏ quả bom còn nóng, bỏ thuốc mìn, châm ngòi

- Cố gắng hoàn thành công việc, không ngại hy sinh: phải nhanh hơn chút nữa. Liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Làm thế nào để châm mìn lần thứ hai? …thoáng nghĩ đến cái chết (nhưng chỉ là mờ nhạt, thoáng qua).

=> Nghệ thuật miêu tả nhân vật: đặt nhân vật trong tình huống cụ thể: đối mặt với quả bom có thể nổ bất cứ lúc nào - đối mặt với thần chết. Sử dụng một loạt động từ chỉ hành động gợi tả những hành động chính xác, nhanh nhẹn, thuần thục, khéo léo, khẩn trương, đồng thời miêu tả cụ thể chân thực những trạng thái cảm xúc của nhân vật như lo lắng, căng thẳng, bình tĩnh... Mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được họ đặt lên trên hết, sự từng trải và lòng gan dạ đã giúp họ chiến thắng nỗi sợ hãi của bản thân, không ngại hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Họ có tình đồng chí đồng đội cao đẹp**

Họ quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau; thấu hiểu và tôn trọng sở thích của nhau:

+ Phương Định: Lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điểm chưa về đến nỗi “nói như gắt vào máy” khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Phương Định hiểu chị Thao và Nho như hiểu về những chị em ruột thịt. Với Nho, cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muốn bế trên tay: Trông nó nhẹ mát như một que kem trắng. Biết bao trìu mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một người y tá: moi đất, bế Nho đặt lên đùi, rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than, tiêm cho Nho, rồi pha sữa trong cái ca sắt… Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô những người đẹp nhất, thông minh, cam đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ.

+ Chị Thao: cuống cuồng khi Nho bị thương, giành khó khăn về mình (Phương Định bị thương, chị Thao phân công Phương Định ở nhà trực máy, còn mình cùng Nho đi trinh sát ...)

+ Nho: thấu hiểu đồng đội, bị thương cũng không kêu ca, biết trấn an tinh thần của đồng đội...

=> Tình đồng chí đồng đội của họ thật thiêng liêng, cao cả và đáng quý. Chính điều đó đã tiếp thêm sức mạnh để các cô hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

**- Họ là những cô gái lạc quan, trẻ trung, trong sáng, mơ mộng:**

+ Trước khó khăn, họ vẫn đùa vui, tếu táo: trên cao điểm về, khói bom nhem nhuốc, khi cười chỉ thấy hai hàm răng trắng lóa, gọi nhau là những con quỷ mắt đen… Phương Định thích hát, chị Thao thích chép bài hát…, với họ “tiếng hát át tiếng bom”…

+ Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt: Nho và chị Thao thích thêu thùa, Chị Thao tỉa lông mày nhỏ như que tăm, Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ màng, thích hát…

+ Cả ba đều hồn nhiên tươi trẻ: vui thích cuống cuồng khi cơn mưa đá đến bất ngờ, tiếc nuối khi cơn mưa qua nhanh...

**\* Nét đẹp riêng:**

- Nho: Là em út, tính nết trẻ con, thích ăn kẹo, có dáng vẻ bé nhỏ, nhẹ nhàng, xinh đẹp mát mẻ như một que kem trắng nhưng rất bản lĩnh, rắn rỏi.

- Chị Thao: Là người thích làm đẹp, ở chị có những nét tính cách tưởng trái ngược nhau: Thích chép bài hát, chép cả bài do Phương Định bịa ra nhưng lại không hát trôi chảy bài nào; dũng cảm, táo bạo, bản lĩnh, kiên quyết trong chiến đấu nhưng lại sợ máu, sợ vắt…

- Phương Định:

+ Là cô gái xinh đẹp, duyên dáng nhưng không biểu lộ tình cảm, tỏ ra kín  
đáo trước đám đông, tưởng như kiêu kì nhưng lại tạo nên một sức hút tự nhiên.

+ Là cô gái Hà Nội, vào chiến trường ba năm, hay hoài niệm về quê hương, mẹ, mái trường...

+ Là cô gái hồn nhiên mơ mộng với nhiều nét tính cách thể hiện rất rõ ràng: thích hát, thuộc nhiều bài hát, say sưa tận hưởng cơn mưa hồn nhiên như chưa hề nghe thấy tiếng bom đạn nổ.

=> Họ là hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mĩ. Vẻ đẹp đó khơi gợi những rung động thẩm mĩ, bồi đắp tình cảm con người. Tác phẩm đã gợi lên trong người đọc sự yêu mến, ngưỡng mộ, cảm phục trước vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó là tấm gương cho thế hệ trẻ hôm nay soi vào để hoàn thiện bản thân và sống có trách nhiệm hơn với cuộc đời.

**Luận điểm 3: “Xứ sở cái đẹp” trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi được thể hiện ở phương diện nghệ thuật:**

- Cốt truyện đơn giản, hấp dẫn. Tác giả thành công trong việc tạo dựng được rõ nét khung cảnh và không khí ở một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn bằng nột vài nét miêu tả không rườm rà.

- Truyện kể theo ngôi thứ nhất - nhân vật Phương Định, tác giả đã diễn tả tự nhiên, sinh động những tâm trạng, cảm xúc, ý nghĩ của những cô gái ở giữa chiến trường, luôn đối mặt với cái chết mà vẫn sống hồn nhiên, lạc quan, giàu tình cảm mà không ít mơ mộng. Truyện kể tự nhiên, lôi cuốn người đọc. Nhân vật bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ của mình nên truyện kể khai thác được chiều sâu tâm lí nhân vật.

- Truyện kể chắt lọc, chân thực, sinh động. Hình ảnh Phương Định và những nữ trinh sát mặt đường như ở ngoài đời thực của chiến trường bước vào trong tác phẩm.

- Ngôn ngữ và giọng điệu: Ngôn ngữ trần thuật phù hợp với nhân vật kể chuyện – cô gái người Hà Nội - tạo cho tác phẩm có giọng điệu và ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung và có chất nữ tính, vui tươi, hóm hỉnh.

- Xây dựng nhân vật qua miêu tả tâm lí, ngoại hình, cử chỉ, hành động để bộc lộ tích cách và phẩm chất.

- Lời kể thường dùng câu ngắn, nhịp nhanh tạo được không khí khẩn trương trong hoàn cảnh chiến trường. Ở những đoạn hồi tưởng, nhịp kể chậm lại, gợi nhớ những kỉ niệm của tuổi niên thiếu hồn nhiên, vô tư và không khí thanh bình trước chiến tranh.

**c. Đánh giá chung:**

- Nhận định của Pautopxki là một ý kiến xác đáng khi khẳng định sứ mệnh cao cả của nhà văn trong việc truyền tải cái đẹp của cuộc sống đến với người đọc. Điều này không chỉ đúng với tác phẩm Những ngôi sao xa xôi mà còn đúng với văn học và nghệ thuật nói chung.

- Nhà văn phải thâm nhập thực tế, trau dồi vốn sống, vốn hiểu biết và tài năng nghệ thuật để có thể tái hiện cái đẹp chân thực của đời sống trong tác phẩm của mình.

- Ý kiến cũng là một định hướng ý nghĩa cho việc chọn lọc và tiếp nhận văn chương của người đọc.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Liên hệ bản thân.

**Đề 3: Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là một áng văn tràn đầy tinh thần yêu nước và căm thù giặc.**

**Bài làm**  
 Hịch tướng sĩ là một trong những áng văn yêu nước tiêu biểu của thời đại nhà Trần nói riêng, của mọi thời đại nói chung. Áng văn ấy được kết tinh từ một trái tim yêu nước nồng thắm của bậc anh hùng hào kiệt văn võ song toàn: Hưng Đạo Vương TrầnQuốcTuấn.  
 Biểu hiện đầu tiên và mạnh mẽ nhất của tinh thần yêu nước trong Hịch tướng sĩ là lòng căm thù giặc, là thái độ thề quyết không đội trời chung với giặc thù.Với lòng căm giận sục sôi, Trần Quốc Tuấn đã vạch trần bản chất và tội ác tàn bạo của kẻ thù. Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tề phụ, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau. Thật là tội ác trời không dung, đất không tha! Thái độ của Trần Quốc Tuấn đối với bọn giặc là thái độ khinh bỉ cao độ. Lòng căm giận và khinh bỉ trào ra ngòi bút khiến ông mô tả sứ giặc như những loài cầm thú xấu xa, bỉ ổi nhất cú diều, dê chó, hổ đói. Thái độ ấy là thái độ quyết không đội trời chung, thề sống chết cùng quân thù. Bày tỏ thái độ của mình với quân giặc, Trần Quốc Tuấn muốn ba quân tướng sĩ cũng nuôi dưỡng lòng căm thù và ý chí giết giặc như ông. Nhớ lại thực tế lich sử: năm 1277 Sài Xuân đi sứ, buộc ta lên tận biên giới đón rước, năm 1281 Sài Xuân đi sang sứ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cổng chính của kinh thành, quân sĩ canh cổng ngăn lại, bị hắn đánh toạc cả đầu. Vua sai thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải ra đón tiếp, Xuân nằm khểnh không dậy. So sánh với thực tế lịch sử ấy sẽ thấy tác dụng của lời hịch như đổ thêm dầu vào ngọn lửa căm hờn của nhân dân ta. Sau khi vạch rõ tội ác và bản chất của kẻ thù, Trần Quốc Tuấn trực tiếp bày tỏ những tình cảm của mình: “ Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu có trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng. Đây là đoạn văn biểu hiện tập chung nhất, cao độ nhất cho lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn, cũng là đoạn văn tiêu biểu cho lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Càng đọc kĩ đoạn văn ta càng thấm thía nỗi đau xót chân thành và mãnh liệt của Trần Quốc Tuấn trước vận mệnh Tổ quốc lâm nguy. Tất cả các trạng thái tâm lí, các khía cạnh tình cảm trong ông đều được đẩy tới cực điểm: Đau xót đến quên ăn, vỗ gối, tới mức ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, căm giận sục sôi đến độ muốn được xả thịt lột da nuốt gan uống máu quân thù. Càng đau xót bao nhiêu thì càng căm giận bấy nhiêu. Và càng căm giận bao nhiêu thì càng quyết tâm chiến đấu hi sinh, xả thân vì nước bấy nhiêu, dù có phải chết trăm ngàn lần đau đớn, phơi thân ngoài nội cỏ, xác gói trong da ngựa cũng vẫn cam lòng. Thật cao đẹp và xúc động biết bao tinh thần và nghĩa cử ấy!

Càng yêu nước sâu sắc, hơn ai hết Trần Quốc Tuấn càng lo lắng cho sự an nguy của đát nước. Sáu mươi vạn quân Mông Cổ tinh nhuệ với thế mạnh như chẻ tre, đã làm mưa làm gió khắp Á-Âu đang lăm le ngoài biên ải. Vận mệnh dân tộc đang ngàn cân treo sợi tóc, thế mà lại có những tư tưởng hoặc dao động cầu hòa, hoặc bàng quan vô trách nhiệm, hoặc lo vun vén cá nhân. Trong tình thế nước sôi lửa bỏng ấy, ruột gan vị chủ tướng như có lửa đốt. Người anh hùng yêu nước đã biến hành động cho đất nước. Ông khéo tìm cách khích lệ, động viên tướng sĩ. Ông nhắc lại ân tình sâu nặng của mình đối với tướng sí để nhắc nhở họ về sự đền ơn, đáp nghĩa về trách nhiệm của kẻ làm tôi. Ông nêu gương các trung thần nghĩa sĩ để kích thích họ theo gương người xưa mà hành động. Ông chỉ ra cho họ thấy nỗi nhục của chủ quyền đất nước bị chà đạp: Triều đình bị giặc sỉ mắng, tướng triều đình phải hầu giặc, nhạc Thái thường thì bị đem ra để đãi yến ngụy sư…để kích động lòng tự trọng, tự tôn dân tộc. Đứng trên cương vị một vị chủ soái, Trần Quốc Tuấn vừa chân tình chỉ bảo vừa nghiêm khắc phê phán thái độ bang quan, thờ ơ của tướng sĩ: Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà ko biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để đãi yến ngụy sứ mà không biết căm… Cũng đứng trên cương vị của một vị chủ soái, Trần Quốc Tuấn vừa chân tình chỉ bảo vừa nghiêm khắc phê phán những thói ăn chơi hưởng lạc tầm thường của tướng sĩ, vui trọi gà, cờ bạc, thích rượu ngon, mê tiếng hát, ham săn bắn, lo làm giàu, quyến luyến vợ con… Theo quan niệm của Trần Quốc Tuấn, thái độ bàng quan không chỉ là sự thờ ơ nông cạn mà còn là sự vong ân bội nghĩa trước mối ân tình của chủ tướng. Sự ham chơi hưởng lạc không chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm khi vận mệnh đất nước đang ngàn cân treo sợi tóc. Trần Quốc Tuấn cũng chỉ rõ cho họ thấy hậu quả tai hại khôn lường nước mất nhà tan, thanh danh mai một, tiếng xấu để đời, đó là cảnh đau xót biết chừng nào. Sự phê phán nghiêm khắc của Trần Quốc Tuấn bắt nguồn sâu xa từ lòng yêu thương chân thành với tướng sĩ và từ tình yêu Tổ quốc thiết tha cháy bỏng của ông. Tất cả là nhắm để đánh bạt những tư tưởng dao động, bàng quan giành thế áp đảo cho tinh thần quyết chiến quyết thắng. Quyết chiến quyết thắng kẻ thù chính là tư tưởng chủ đạo của bài Hịch, là thước đo cao nhất, tập trung nhất tư tưởng yêu nước trong hoàn cảnh lúc bấy giờ.  
 Nhiệt tình yêu nước sôi nổi của Trần Quốc Tuấn đã truyền sang mọi người, đã thổi bùng lên ở họ ngọn lửa yêu nước và hành động. Người ta kể lại rằng, ngay sau khi bài Hịch được công bố, cả đêm hôm đó ba quân tướng sĩ không ngủ, họ mài gươm cho thật sắc, họ thích vào cánh tay hai chữ Sát Thát, họ hoa chân múa tay đòi gấp gấp lên đường đánh giặc, trong tim họ như có một ngọn lửa đang rừng rực cháy. Nghìn năm sau tinh thần của bài Hịch vẫn nồng nàn trong tim mỗi dân đất Việt.